

NAM HẢI CHƯ ĐẢO LỊCH SỬ ĐỊA DANH KHẢO LUẬN

Phạm Hoàng Quân*

LTS. “Nam Hải chư đảo lịch sử địa danh khảo luận” là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả Phạm Hoàng Quân, nhằm chứng minh Tây Sa và Nam Sa (tức Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam) vốn không thuộc chủ quyền của Trung Quốc trong lịch sử. Tập khảo luận này gồm 3 chương và phần phụ lục. Chương 1: Nam Hải chư đảo - đảo danh trong thư tịch hiện đại (đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (65).2007); Chương 2: Khái quát về quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ 1909-2005; Chương 3: Vấn đề lịch sử địa danh Nam Hải chư đảo trong thư tịch cổ Trung Quốc. So với dự kiến ban đầu, nhan đề của tập khảo luận “Nam Hải chư đảo danh xưng sơ khảo” được tác giả đổi thành “Nam Hải chư đảo lịch sử địa danh khảo luận”, các chương mục cũng được tác giả chỉnh sửa lại do những phát hiện mới trong quá trình tiếp cận tư liệu. Vì là công trình nghiên cứu cá nhân, lại phải mất nhiều thời gian và công sức tra cứu, tham khảo hàng ngàn trang tư liệu, nên việc công bố không thể bảo đảm sự liên tục. Cũng do số trang của tạp chí có hạn, các phụ lục sẽ được đăng dần ở các số báo tiếp theo.

Chương II

Khái quát về quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ 1909 đến 2005

“Đại thế giới của thay đổi, sức nước thịnh suy mạnh yếu là do ở biển chứ không do lục địa. Nước nào có được quyền trên biển mạnh hơn, sức của nước đó sẽ chiếm ưu thế”. Tôn Trung Sơn.⁽¹⁾

Các loại từ điển tổng hợp, từ điển chuyên ngành và địa đồ tập đã nêu ở chương I là những sản phẩm mang tính điển chế, tức là chúng thừa nhận kết quả của nhiều công trình nghiên cứu hoặc tổng hợp các biên chép về vùng biển Nam Hải và các quần đảo trong vùng biển này từ những năm đầu thế kỷ 20.

Qua sự khai thị của các học giả, chuyên gia hàng hải phương Tây và Nhật Bản..., các chuyên viên của chính phủ, các sử gia và các học giả chuyên ngành ở Trung Quốc bắt đầu lưu ý và nghiên cứu về những quần

* Thành phố Hoà Chí Minh.

đảo cùng sự hoạt động trên biển Nam Hải. Dựa vào đặc tính và nội dung các loại ghi chép và nghiên cứu, tôi chia quá trình này thành 2 giai đoạn: giai đoạn đầu từ năm 1909 đến năm 1947 là *giai đoạn sơ thám*; giai đoạn sau, từ năm 1948 đến năm 2005 là *giai đoạn bột phát và định hình*.

A. Giai đoạn sơ thám (1909 - 1947)

Bút ký về cuộc tuần tra trên biển của Lý Chuẩn (*Lý Chuẩn tuần hải ký* - 李准巡海記) năm Tuyên Thống nguyên niên (1909) được học giới Trung Quốc thường xuyên dẫn dụng với tính chất một sự kiện khởi đầu trong giai đoạn nghiên cứu mới-gọi giai đoạn nghiên cứu mới để phân biệt với thời kỳ biên chép trước đó-giai đoạn này hỗn dung giữa việc xác định danh xưng và đòi hỏi chủ quyền. Trong cuộc tuần tra này, Lý Chuẩn và đoàn tùy tùng đến Đông Sa và Tây Sa, ghi chép sơ lược, mô tả ước lệ và đặt tên một số đảo ở Tây Sa một cách tùy hứng. Mãi đến năm 1933, *Thiên Tân đại công báo* mới công bố thiên bút ký của Đề đốc hải quân Lý Chuẩn (số ra ngày 10 tháng 8), và *Quốc văn chu báo* đăng lại bút ký này vào ngày 21/8/1933.⁽²⁾ Tuy nhiên, hệ thống đảo danh của 16 đảo mà Lý Chuẩn đặt ra có đến 10 tên gọi không xác định được vị trí, do không có tọa độ địa lý tương ứng với tên các đảo.⁽³⁾

Khi đối chiếu 16 đảo danh của Lý Chuẩn với 24 đảo danh Tây Sa trong *Trung Quốc giang hải hiểm yếu đồ chí* của H. Petley (Cục trưởng Cục Địa đồ Hải quân Anh quốc) do Trần Thọ Bành và Dịch Như Phủ dịch sang Hán văn năm 1894, thì thấy không có điểm tương ứng nào, cả về tên gọi lẫn vị trí.⁽⁴⁾

Thu hoạch của Đề đốc hải quân Lý Chuẩn do vậy bị xếp xó, đây cũng là lý do vì sao mãi đến năm 1933, *Lý Chuẩn tuần hải ký* mới được công bố, với hình thức một sự kiện lịch sử “có đến Tây Sa” của một đội ngũ binh quan được Thanh triều điều phái.⁽⁵⁾

Năm 1910, *Đông Phương tạp chí* (quyển 7, kỳ thứ 6)⁽⁶⁾ in toàn văn một biên chép khảo sát khá chi tiết về quần đảo Tây Sa, ước 3.000 chữ với tiêu đề *Quảng Đông Tây Sa quần đảo chí*-廣東西沙群島志. *Quảng Đông Tây Sa quần đảo chí* là một tiêu đề được dịch sai lạc từ nguyên tác Đức văn vốn có tên là *Die Paracel Inseln* (quần đảo Paracel), nội dung ký tải được trình bày theo hình thức một khảo sát địa lý (geographies) với mục đích chỉ nam hàng hải, đơn vị đo khoảng cách dùng tiêu chuẩn dặm

Anh (statute mile), tên các đảo dùng Đức văn với tổng số 33 đảo danh.⁽⁷⁾ *Đông phương tạp chí* đã dịch tài liệu địa lý *Die Paracel Inseln* sang Hán văn, đảo danh Đức văn được hài âm hoặc chuyển nghĩa sang Hán văn (ví dụ: Kỳ Lý Tiên = Die Crescent Gruppe; Khoát Địa = Woody Inset...).

Đông Phương tạp chí số ra ngày 25/5/1910 lại đăng một tài liệu có tiêu đề *Ký Việt tỉnh khám biện Tây Sa đảo sự* - 記粵省勘辦西沙島事 (Ghi chép về việc xem xét đảo Tây Sa tỉnh Quảng Đông).⁽⁸⁾ Theo kỹ thuật của bài viết, Tổng đốc Lương Quảng Trương Nhân Tuấn nghe tin có người ngoại quốc đến khai thác trên đảo nên sai người đi điều tra. Bút ký này không nêu được tên một đảo nào, chỉ mô tả sơ sài nhóm Tây có 7 đảo, nhóm Đông có 8 đảo, khoảng cách ước lệ nửa dặm hoặc một hai dặm, phép mô tả địa lý còn kém hơn cả ghi chép của Lý Chuẩn.

Dần về sau, là sự xuất hiện các ghi chép có hệ thống địa danh cụ thể như *Điều tra Tây Sa quần đảo báo cáo thư* - 調查西沙群島報告書 của Thẩm Bằng Phi (1928),⁽⁹⁾ *Chí Tây Sa quần đảo* - 志西沙群島 của Lý Trường Phó (*Sử địa học báo*, quyển 3 kỳ thứ 5, 1925), *Tây Sa quần đảo điều tra ký* - 西沙群島調查記 của Phương Tân (1928),⁽¹⁰⁾ *Tây Sa đảo, Đông Sa đảo thành án hồi biên* - 西沙島東沙島成案匯編 của Trần Thiên Tích (Quảng Đông thực nghiệp sản xuất bản 1928), *Quảng Đông toàn tỉnh địa phương kỷ yếu* - 廣東全省地方紀要 (1934), *Nam Hải chư đảo địa lý chí lược* - 南海諸島地理志略 của Trịnh Tư Ước [Thương vụ ấn thư quán xuất bản, 1947], *Ngã quốc Nam Hải tiền sáo đích Tây Sa quần đảo* - 我國南海前哨的西沙群島 của Quách Thọ Sanh (*Trung Quốc hải quân tạp chí*, ngày 1/3/1947).

Trong các tài liệu nêu trên, các đảo danh được ghi chép không thống nhất cả về số lượng và tên gọi (xem Phụ lục 1). Quách Thọ Sanh liệt kê được 33 đảo danh, *Quảng Đông toàn tỉnh địa phương kỷ yếu* chỉ ghi nhận được 7 đảo danh. Các biên chép này lẫn lộn tên gọi hài âm và tên mới đặt bằng Hán văn, tuy nhiên vì thiếu tính khoa học trong việc định vị nên hầu hết các từ điển tiêu chuẩn đều dùng hệ thống tên gọi được hài âm từ bản Đức văn *Die Paracel Inseln* do *Đông Phương tạp chí* in năm 1910 (xem một số đoạn đã dẫn chứng ở Chương 1). Ngoài tài liệu *Die Paracel Inseln*,

các biên chép mang tính khoa học khác như *Ấn Độ chỉ nam* - 印度指南 (1885) [Anh văn],⁽¹¹⁾ *Hải đạo trắc lượng cập hàng hải khí tượng niên giám* - 海道測量及航海氣象年鑒 (1885) [Đức văn], *Nam Trung Quốc ngũ tỉnh đích khái hướng* - 南中國五省的概況 [Nhật văn] của Mã Trường Thiêu Thái Lang và *Thôn Thượng Kế Nhị Lang* (1939), *Tây Sa quần đảo diên cách chí* - 西沙群島沿革志 [Nhật văn] của Tiêu Kỳ Lai (1940)...⁽¹²⁾ cũng được dịch sang Hán văn, các kiến thức mới về tọa độ địa lý, thủy văn địa chất, địa mạo biển, hàng hải địa văn... trong các nguồn tài liệu này được học giới Trung Quốc tiếp thu, làm cơ sở cho các nghiên cứu về sau.

Những năm 1933, 1934 các báo san Trung Quốc bắt đầu lục tục xuất hiện các bài viết về quần đảo Spratly (Tư Ba Lạp Thoát Lai - 斯巴拉脫來). Sự kiện này trong sử Trung Quốc gọi là “Sự kiện Pháp chiếm 9 đảo Nam Hải”. *Phương chí nguyệt san* số tháng 4/1933 đăng bài “*Pháp chiếm Nam Hải chư tiểu đảo chi địa lý* - 法占南海諸小島之地理” của Lăng Thuần Thanh,⁽¹³⁾ bài viết này xuất phát sau các tin tức thời sự về việc từ ngày 7 đến ngày 12/4/1933 hải quân Pháp đến đóng trên các đảo thuộc nhóm Tizard Banc^(*) (Đề Sa Thiển Châu - 提沙淺洲). Bài viết này sử dụng hệ thống đảo danh được hài âm hoặc chuyển nghĩa từ Pháp văn, mô tả các đảo được xem là trong tầm kiểm soát của Trung Quốc gồm:

1. La Caye Amboyne (Áng Bạch Nạp đảo 盎白納島).
2. Ile de la Tempête (Đương Cự Đặc đảo 當具特島) còn gọi là Spratly (Sử Bá Lạp Đức 史柏拉德).
3. Ile Itu Aba (Y Đô A Ba 伊都阿巴) tức là Banc Tizard (Đề Sa Thiển Châu).
4. Ile Loai-te (Lao Đạt đảo 勞達島).
5. Ile Thitu (Đế Đô đảo 帝都島).
6. Les Deux Iles (Song Đảo 雙島).

* Tuỳ theo tổng trôông hiệp, đõia vạo cậu bậu gỏac Phập, Anh, Nõuc mặ còu sỏi khậu nhau giõõa cậu chõõ *Tizard Banc* hay *Tizard Bank*. BBT.

7. Cage Alerte (A Lặc Đặc đảo 阿勒特島).

8. Nam Yit (Nại Y Thoát đảo 奈伊脫島).

9. Lankiam Cay (Lang Cơ A đảo 郎基阿島).

Ngoài việc định danh theo Pháp văn, Lăng Thuần Thanh tiếp thu cả hệ thống định vị tọa độ địa lý của Pháp cho nhóm đảo và từng đảo, độ dài dùng quy chế dặm Anh (hải lý). Sau đây là một trích đoạn:

諸小島散布于 8-10⁰ N 與 111-115⁰ E 之中國海中. 西距非律賓派拉望島 (Palawan) 二百海里. 在我國海南島東南 530 海里.

Chư tiểu đảo tản bố vu 8-10⁰ N dĩ 111-115⁰ E chi Trung Quốc hải trung, tây cự Phi Luật Tân Phái Lạp Vọng đảo (Palawan) nhị bách hải lý, tại ngã quốc Hải Nam đảo đông nam 530 hải lý. (Các đảo nhỏ (tức 9 đảo) nằm tản mác trong biển Trung Quốc thuộc 8-10 độ vĩ bắc và 111-115 độ kinh đông, phía tây cách đảo Phái Lạp Vọng (Palawan) của Phi Luật Tân 200 hải lý, ở về phía đông nam đảo Hải Nam nước ta 530 hải lý).

Trong bài viết nêu trên, Lăng Thuần Thanh cho rằng, người Hoa vốn đã cư trú trên 3 đảo Ile Itu Aba, Nam Yit và Lankiam Cay, và có qua lại với 6 đảo còn lại.

Qua khảo sát hệ thống địa danh của 9 đảo được công bố trên 15 tờ báo và tạp chí Trung Quốc trong 2 năm 1933-1934⁽¹⁴⁾ thấy các điểm đáng lưu ý như sau (xem chi tiết ở Phụ lục 2).

1. Tất cả các đảo danh đều theo cách hài âm hoặc chuyển nghĩa từ Tây danh (Anh, Pháp, Đức...).

2. Cách hài âm không thống nhất, thí dụ: Thitu:

- *Thời sự nguyệt san* (9/1933) hài âm: Tây Đố 西杜

- *Địa lý học tùng san* (9/1933) hài âm: Đề Đố 提杜

- Lăng Thuần Thanh (4/1933) hài âm: Đế Đô 帝都

- *Đông phong tạp chí* (11/1933) hài âm: Tây Âu Đức 西歐德

- *Ngoại giao nguyệt san* (8/1934) hài âm: Tây Đức Âu 西德歐

Thí dụ trên không phải là cá biệt, 9 đảo danh đều trong tình trạng tùy tiện này.

3. 50% bài viết không nêu được đủ 9 đảo danh, thí dụ, *Ngoại giao nguyệt san* 8/1934 chỉ nêu 6 tên, còn lại ghi chú là “chưa biết rõ”.

4. 30% bài viết chỉ nêu tên đã hài âm, không đính kèm nguyên văn Tây danh và kinh vĩ độ.

5. 50% bài viết nêu kinh vĩ độ không giống nhau.

6. Trường hợp cá biệt: *Ngoại giao bình luận* số tháng 9/1933 đăng bài “*Pháp quốc chiếm lĩnh cửu tiểu đảo sự kiện - 法國占嶺九小島事件*” của Từ Công Túc, trích đoạn viết về đảo danh:

“法國所占嶺之九島. 現已証實并非西沙群島之一部. 為:

Pháp quốc sở chiếm lĩnh chi cửu đảo, hiện dĩ chứng thực tịnh phi Tây Sa quần đảo chi nhất bộ. Vi: ... (Chín đảo do Pháp chiếm, hiện đã chứng minh hoàn toàn không phải là một bộ phận của quần đảo Tây Sa, đó là):

1. *Spratly or Storm Island*

2. *Amboyna Cay*

3. *Tizard Bank with Reefs and Islands*

4. *Loaita Island*

5. *Thitu Island*

6. *North Danger*” (sic).

Các đặc điểm nêu trên về sự kiện “Pháp chiếm 9 đảo” đưa đến vài nhận xét sau.

1. Học giới và chính phủ Trung Hoa rút kinh nghiệm từ sự kiện Lý Chuẩn “tuần tra” và đặt tên đảo theo cảm hứng ở quần đảo Paracel (đảo có tên mà không định được vị trí do khoảng cách được mô tả ước lệ, không định được kinh vĩ độ), nên đối với 9 đảo Spratly đành phải tiếp thu hẵn tên gọi và tọa độ kinh vĩ, chấp nhận việc không có tên riêng (Hán văn) để tiện việc tranh biện lấy vị trí làm chuẩn.

2. Sự ham muốn giới hạn con số 9 đảo (trong tổng số 191 đảo) phân bố trong phạm vi cụ thể 8-10⁰ N và 111-115⁰ E vùng biển Nam Hải.

3. Đảo danh từ Tây danh được phiên âm không đồng nhất, nhiều con số kinh vĩ độ sai lệch là hậu quả của việc thu thập thông tin từ các hãng thông tấn một cách hỗn tạp, hầu hết các cây bút không hiểu rõ vấn đề.

4. Nhận định của Từ Công Túc trên tờ *Ngoại giao bình luận* (9/1933) cho thấy sự nhận thức mơ hồ-của một đại diện học giới-về 9 hòn đảo mà họ đang tìm cách sở hữu, đến khi hải quân Pháp đến trú đóng và công bố họ mới biết rằng: “*chín đảo ấy không phải là một bộ phận của Tây Sa*” như trước đây họ từng nghĩ !

Sau 2 năm ồn ào của các bài báo thời sự, sự kiện “Pháp chiếm 9 đảo” tạm lắng (cũng tương tự như những năm 1910-1911 đối với Paracels), những ham muốn và đòi hỏi vô cơ của chính phủ Trung Hoa buộc học giới nước này lao vào thực hiện các công trình nghiên cứu, cố chứng minh những điều không thể. Nếu như trước năm 1932 các bài viết và sách vở chỉ nhắm đến đối tượng Đông Sa và Tây Sa, thì giờ đây-từ năm 1932-thêm 9 đảo khác ở Nam Hải được đưa vào mục tiêu.

Năm 1935, Trung Hoa thư cục xuất bản cuốn *Trung Quốc địa lý tân chí* - 中國地理新志, phần 4 chương 2 về địa lý tỉnh Quảng Đông liệt kê thứ tự 9 đảo (Spratly Island), cách gọi tên vẫn theo phương pháp hài âm cùng tên Anh văn đi kèm và diện tích từng đảo.⁽¹⁵⁾ Tọa độ địa lý được xác định tổng quát như sau:

“諸小島在我國海南島東南五百三十海里而西沙群島的南面約三百五十海里處北緯八度.十一度和東經.一一四,一一五度之間”⁽¹⁶⁾

Chư tiểu đảo tại ngã quốc Hải Nam đảo đông nam ngũ bách tam thập hải lý, nhi Tây Sa quần đảo đích nam diện ước tam bách ngũ thập hải lý. Xứ bắc vĩ bát độ-thập nhất độ hòa đông kinh nhất nhất tứ-nhất nhất ngũ độ chi gian. (Các đảo nhỏ này cách phía đông nam đảo Hải Nam nước ta 530 hải lý, cách quần đảo Tây Sa về phía nam 350 hải lý. Ở vào trong khoảng từ 8-11 độ vĩ bắc và 114-115 độ kinh đông).

Vấn đề tọa độ địa lý trong các lần công bố của giai đoạn này về “chín đảo Nam Hải” đáng phải lưu ý. Khi so sánh vài nghiên cứu mang tính khoa học tiêu biểu sẽ bắt gặp sự chênh lệch khá xa. Lăng Thuần Thành ghi nhận tọa độ chung của chín đảo là 8-10⁰ N và 111-115⁰ E; *Trung Quốc địa lý tân chí* (vừa nêu trên) ghi là 8-11 độ vĩ bắc và 114-115 độ kinh đông; *Trung Hoa tân địa đồ-thuyết minh* (1946) chỉ nêu được vĩ độ bắc “7 độ 40 phân đến 12 độ”⁽¹⁷⁾; Lục Đông Á trên tờ *Ngoại giao bình luận* (số 10 quyển 11/1933) ghi là “10-12 độ vĩ bắc và 115 độ kinh đông”.⁽¹⁸⁾

Ngoài sự sai lệch về tọa độ quần thể, qua khảo sát 7 nguồn tài liệu có nêu tọa độ cá thể từng đảo trong chín đảo, thấy có đến gần 20 trường hợp sai biệt (Phụ lục 3).

Không nên ngạc nhiên trước những sai lầm khập khiễng vừa nêu, bởi học giới và cả chính giới Trung Quốc, trong giai đoạn này hầu hết chỉ đưa ra những ghi chép mang tính cách trung gian, họ không có phương tiện và tư cách để kiểm chứng các nguồn tin thu thập được, một lẽ khác, đây cũng là giai đoạn học giới Trung Quốc bắt đầu áp dụng phương pháp địa lý khoa học phương Tây. Tuy nhiên, những nỗ lực tìm kiếm cho sự hỗn dung giữa phương dư chí, sử chí truyền thống Trung Quốc và phương pháp địa lý chính xác vừa tiếp thu cũng đành bất lực trước vấn đề chứng minh chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Paracel và Tizard Bank. Dưới đây là một thí dụ.

Tháng 11 năm 1947, Ty Phương vực thuộc Bộ Nội chính phối hợp với Thương vụ ấn thư quán công bố công trình *Nam Hải chư đảo địa lý chí lược* của Trịnh Tư Ước, chuyên viên Bộ Nội Chính. Công trình này được hình thành sau một năm khi Trịnh Tư Ước cùng chính quyền địa phương Quảng Đông và Cục Hải quân đến Paracel và Spratly nhận sự đầu hàng của hải quân Nhật Bản. *Nam Hải chư đảo địa lý chí lược* khai màn cho hình thức mô tả địa lý mới, gồm các chương: Địa chất, Địa hình, Khí hậu, Đảo dự, Than hiểm chí yếu (những bãi nguy hiểm cần lưu ý), Kinh tế sản vật, Địa vị giá trị, Sử chí hồi cố (nhìn lại lịch sử). Phần phụ lục địa đồ và bảng đối chiếu địa danh cũ và mới do Bộ Nội chính công bố. Công trình của Trịnh Tư Ước được học giới đương thời đánh giá rất cao, cho rằng đây “là một tập hợp tường tế và phong phú về tài liệu, đáng phải tham khảo khi nghiên cứu về Nam Hải chư đảo”.⁽¹⁹⁾

Tuy nhiên, về phương diện địa danh các đảo mà xét, Trịnh Tư Ước vẫn còn mơ hồ như hồi 15 năm trước. Về tên gọi Tizard Bank & Reefs, đây là một nhóm đảo, đương thời có khi gọi là Đoàn Sa quần tiêu và được hài âm nhiều cách như Sa Đề Thiển (Lãng Thuần Thanh), Đế Nhược Bàng (*Thân báo nguyệt san*, 15/9/1933), Đế Sa Than (*Ngoại giao bình luận*, 5/1934), Đề Sa Thiển Châu (*Tối tân thế giới địa đồ tập*, 1938), Đề Áp Pha [than] (*Trung Hoa tân địa đồ*, 1946). Chung quy, khi phát âm thì gần giống, khi viết chữ thì khác xa, nhưng điều quan trọng trong sự sai lầm của Trịnh Tư Ước là cách giải thích nguồn gốc địa danh, họ Trịnh cho rằng: “cổ thư nước ta gọi [nhóm đảo này] là Đề Áp than, còn viết là Đoàn Sa quần đảo”.⁽²⁰⁾ Cần nhớ lại rằng Tizard Bank cũng là danh xưng đại diện cho nhóm 9 đảo trong sự kiện ngày 12/4/1933, nên việc định danh là

một vấn đề quan trọng, Đề Áp Pha là một cách hài âm trực tiếp từ Tizard Bank, cổ thư Trung Quốc chưa từng có danh xưng thuần Hán “Đề Áp” ứng với tên người/tên đất sinh ra người qua lại vùng biển này để làm cơ sở cho việc đặt tên đảo như thông lệ đặt tên của nhiều địa điểm khác. Tizard (tức Đề Áp] là tên một người Anh, thuyền trưởng thuyền điều tra hàng hải Rifleman, tức Thomas Henry Tizard (1889-1924), 托馬亨利提闌 - Thác Mã Hanh Lợi Đề Áp.⁽²¹⁾ Sự kết nối tùy tiện này khó mà bảo rằng do nóng vội trong việc sở hữu tên riêng nên họ Trịnh gán bừa cho “cổ thư”, bởi học giới Trung Quốc đã có thời gian 15 năm để nghiên cứu !

Chi tiết sai lầm của họ Trịnh còn được Cúc Kế Võ dẫn dụng trong công trình *Tổ quốc đích Nam Hải chư đảo* (1956), Sở Nghiên cứu tình báo hải dương dẫn dụng trong *Nam Sa quần đảo tự nhiên hoàn cảnh giới* (tài liệu cơ mật) (1976), tạp chí *Hải dương khoa học* (kỳ 2-1977) dẫn dụng trong “Trịnh Hòa hạ Tây dương đối ngã quốc hải dương khoa học đích cống hiến”.

Những sai lầm và bất ổn-về việc đặt định các đảo danh trên vùng biển Nam Hải-xuyên suốt các dẫn chứng trên là những dấu hiệu cho thấy sự lúng túng của học giới Trung Quốc trước nhu cầu của một chính phủ đang tiềm ẩn khả năng phát triển thuyết “không gian sinh tồn” theo chiều hướng của Haushofer.⁽²²⁾ Trong tình thế thúc bách cùng quẫn, các nhà phương dư học, sử học Trung Quốc chưa tìm được lối ra cho việc cố kết giá trị lịch sử vào khoa học địa lý chính xác, có thể gán hàng loạt tên thuần Hán trong kho tàng sử liệu vào các hòn đảo và nhóm đảo, tuy nhiên, với hoàn cảnh đương thời họ không thể gán cho chúng những hệ thống kinh vĩ độ và các yếu tố thủy văn-hàng hải xác thực.

Trong giai đoạn sơ thám này, có vài công trình nghiên cứu tuy không trực tiếp liên quan đến đảo danh nhưng đáng phải lưu ý, vì chúng mang tính tiên khởi và gắn liền trong không gian Nam Hải. Năm 1935, Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán xuất bản cuốn *Trung Quốc Nam Hải cổ đại giao thông tòng khảo* - 中國南海古代交通叢考 của học giả Nhật Bản Đằng Điền Phong Bát 藤田豊八 [Fujita] qua bản dịch Trung văn của Hà Kiện Dân. Năm 1937, nhà Thương vụ xuất bản liên tục các công trình *Trung Quốc Nam Dương giao thông sử* - 中國南洋交通史 của Phùng Thừa Quân;⁽²³⁾ *Trung Quốc giao thông sử* - 中國交通史 của Bạch

Thọ Di;⁽²⁴⁾ *Trung Quốc thực dân sử* - 中國殖民主義史 của Lý Trường Phó;
Trung Quốc ngư nghiệp sử - 中國魚業史 của Lý Sĩ Hào. Năm 1940,
Đông Á đồ thư quán xuất bản *Hải Nam đảo dữ Thái Bình Dương* - 海南
島與太平洋 của Trần Thanh Thân...

Để tạm kết phần tổng quan của giai đoạn sơ thám này, cũng nên nói thêm về hai sự kiện liên quan mật thiết đến đảo danh Nam Hải, đó là hai lần chính phủ Trung Hoa Dân quốc đơn phương công bố hệ thống “địa danh tiêu chuẩn” vào các năm 1935 và 1947.

Năm 1933, sau sự kiện “Pháp chiếm 9 đảo Nam Hải”, chính phủ Trung Quốc thành lập “Thủy lục địa đồ thẩm tra ủy viên hội”, chính thức hoạt động từ ngày 7/6/1933, người của hội này được tuyển từ các bộ Nội chính, Ngoại giao, Giáo dục, Hải quân và một số ít các đại biểu Mông, Tạng. Trong cuộc hội nghị lần thứ 25 mở ngày 21/12/1934, thông qua danh mục địa danh các đảo (đối chiếu Hoa-Anh). Tháng 1/1935, trên tờ Hội san kỳ đầu tiên, công bố “*Trung Quốc Nam Hải các đảo dư Hoa-Anh đối chiếu biểu* - 中國南海各島旗華英對照表” (xem Phụ lục 4). Đây là lần đầu tiên Trung Quốc công bố một hệ thống địa danh toàn diện cho các đảo tiêu (gồm 132 địa danh); cũng là lần đầu tiên phân định các đảo Nam Hải thành 4 bộ phận: Đông Sa, Tây Sa, Nam Sa (nay gọi Trung Sa) và Đoàn Sa (nay gọi Nam Sa) quần đảo. Hội san kỳ 2, tháng 4/1935, công bố “*Trung Quốc Nam Hải các đảo dư đồ* - 中國南海各島輿圖”. Toàn bộ hệ thống đảo danh được hài âm hoặc chuyển nghĩa từ Tây văn.

Năm 1947, Bộ Nội chính công bố bảng đối chiếu tên gọi cũ và mới các đảo Nam Hải, việc này được biết đến thông qua sách *Nam Hải chư đảo địa lý chí lược* của Trịnh Tư Ước in ở phần phụ lục. Bảng đối chiếu này tổng cộng 171 địa danh, trong đó: Đông Sa 4 tên (1 tên quần đảo + 3 tên đảo); Trung Sa 30 tên (1 tên quần đảo + 29 tên đảo); Tây Sa 34 tên (4 tên quần đảo và nhóm đảo + 30 tên đảo); Nam Sa 103 tên (8 tên quần đảo và nhóm đảo + 95 tên đảo). (Phụ lục 5).

Các tên đảo mới đặt thuần Hán, gồm tên các nhân vật lịch sử, quan chức, thuyền hạm hoặc mỹ danh. Cùng năm này, Phương vực ty (thuộc Bộ Nội chính) ấn hành *Nam Hải chư đảo vị trí lược đồ* 南海諸島位置略圖. Theo ghi chép của Trịnh Tư Ước, văn bản đối chiếu địa danh này do

Bộ Nội chính chính thức công bố. Tuy nhiên qua một trích đoạn tài liệu từ sách *Nam Hải chư đảo địa danh tư liệu hồi biên* sau đây, thấy tiến trình “công bố” văn bản này không hợp với nguyên tắc hành chính:

南海諸島收回後.當時內政部方域司審定南海諸島地名 172 个.于 1947 年 12 月 1 日由內政部通過中央社正式公布次日見報.此年 11 月內政部方域司專門委員鄭資約著南海諸島地理志略出版⁽²⁵⁾

Nam Hải chư đảo thu hồi hậu, đương thời Nội chính bộ Phương vực ty thẩm định Nam Hải chư đảo địa danh 172 cá, vu 1947 niên 12 nguyệt 1 nhật do Nội chính bộ thông quá Trung ương xã chính thức công bố, thứ nhật kiến báo. Thứ niên, 11 nguyệt Nội chính bộ Phương vực ty chuyên môn ủy viên Trịnh Tư Ước trú “Nam Hải chư đảo địa lý chí lược” xuất bản. (Sau khi thu hồi các đảo Nam Hải, bấy giờ Ty Phương vực Bộ Nội chính thẩm định được 172 địa danh các đảo Nam Hải, ngày 1/12/1947 Nội chính bộ thông qua Trung ương xã (Thông tấn xã Trung ương Trung Hoa Dân quốc) chính thức công bố, ngày sau đăng báo. Cũng năm này, vào tháng 11 xuất bản *Nam Hải chư đảo địa lý chí lược* của Trịnh Tư Ước, ủy viên chuyên môn Ty Phương vực Bộ Nội chính).

Đoạn văn trên cho thấy, sách của Trịnh Tư Ước xuất bản trước khi công bố chính thức văn bản này đến 1 tháng! Các trưng dẫn để tỏ chủ quyền sau này, khi đề cập đến sự kiện “công bố địa danh năm 1947” hầu như chỉ dựa vào văn bản từ sách của họ Trịnh và mặc nhiên xem đó như là một công bố của chính phủ. Một vấn đề nên đặt ra là, cho dù Trịnh Tư Ước là một ủy viên chuyên môn của Ty Phương vực Bộ Nội chính, nhưng sách của ông ta viết liệu có thay được vai trò của một công báo? Đoạn văn trên mặc dù có nêu việc công bố văn bản này thông qua Trung ương xã vào ngày 1/12/1947 và *Đại công báo* công bố vào ngày 2/12/1947, tuy nhiên qua nhiều bài viết và các nghiên cứu tỏ ra rất khoa học trong việc trích dẫn, thiếu vắng sự minh họa từ nguồn này.

Giai đoạn sơ thám mà chúng ta vừa điếm qua, cuối cùng-dựa trên các cứ liệu thành văn có thể khảo sát được-biểu lộ hai động thái ứng phó cho một chọn lựa địa danh vùng Nam Hải của chính phủ Trung Hoa Dân quốc:

Một là, phương án công bố năm 1935, không sử dụng địa danh thuần Hán, tức chấp nhận sự mất liên lạc với lịch sử của địa danh để chiếm lĩnh

hệ tọa độ địa lý. Động thái này cũng cho thấy đây là thời điểm bắt đầu thực hiện ý đồ chiếm lĩnh (nếu được) vùng biển mà Trung Quốc chưa từng làm chủ.

Hai là, phương án công bố năm 1947, Hán hóa một số địa danh khi đã mừng tượng được một chiến lược nguy hiểm dùng sử liệu làm nguyên liệu.

Với những lợi thế sau thế chiến thứ hai, chính phủ Trung Quốc càng chú mục vào vùng biển phía nam đầy tiềm năng mà trước đây họ luôn bị thất bại trước các đế quốc hùng mạnh (Pháp, Nhật), cả về thế lực và chứng cứ chủ quyền. Những sự kiện trong lịch sử về “con đường tơ lụa trên biển” trong ý thức học giới và chính giới từ chỗ ngẫu nhiên phải đi qua Nam Hải bắt đầu được chuyển hóa thành các sự kiện “khám phá”, “phát hiện” ra các đảo và dần được củng cố thành những luận cứ “chủ quyền trong lịch sử”.

PHQ (Còn nữa)

CHÚ THÍCH

- (1) 世界大勢變遷.國力之盛衰強弱.常在海而不在陸.其海上權優勝者.其國力常占優勝.
Thế giới đại thế biến thiên, quốc lực chi thịnh suy cường nhược, thường tại hải nhi bất tại lục, kỳ hải thượng quyền ưu thắng giả, kỳ quốc lực thường chiếm ưu thắng. (Tôn Trung Sơn, “Lý do phải đối Quỳnh Châu thành cấp tỉnh”, *Tôn Trung Sơn toàn tập*, Tập 2, Trung Hoa thư cục, 1982, tr 564).
- (2) Ngày tháng năm và tên các báo căn cứ vào sách *Nam Hải chư đảo địa danh tư liệu hồi biên* - 南海諸島地名資料匯編 do Trần Sử Kiên chủ biên, Thiên thứ nhất, Bình tập: “Lịch sử thượng ngã quốc chính phủ vi Nam Hải chi đảo mệnh danh đích tình huống”, tr 37. Quảng Đông tỉnh địa danh ủy viên hội biên-Quảng Đông tỉnh địa đồ xuất bản xã xuất bản, 1987. (630 trang, phát hành nội bộ). Những trích dẫn về sau sẽ viết là [*Địa danh hồi biên-1987*].
- (3) 16 tên đảo do Lý Chuẩn đặt: 1. Phục Ba đảo 伏波島; 2. Cam Tuyền đảo 甘泉島; 3. San Hô đảo 珊瑚島; 4. Thâm Hàng đảo 深航島; 5. Lân Thủy đảo 鄰水島; 6. Hoắc Khâu đảo 霍邱島; 7. Quy An đảo 歸安島; 8. Ô Trình đảo 烏程島; 9. Ninh Ba đảo 寧波島; 10. Tân Hội đảo 新會島; 11. Hoa Dương đảo 華陽島; 12. Dương Hồ đảo 陽湖島; 13. Hưu Ninh đảo 休寧島; 14. Phan Ngu đảo 番禺島; 15. Phong Nhuận đảo 丰潤島; 16. Lặc Thạch 勒石. Ngoài 6 đảo danh Phục Ba, Cam Tuyền, San Hô, Thâm Hàng, Lân Thủy, Lặc Thạch, các tên còn lại là địa danh từ các quận huyện ở Đại Lục, quê quán những người trong đoàn Lý Chuẩn.
- (4) Xem Phụ lục 1, phần a.

- (5) Về sự kiện Lý Chuẩn, xem thêm các nguồn tư liệu: 1. *Thanh quý ngoại giao sử liệu* (1910), tập 2, tr 4, Quảng Đông Trung Sơn đồ thư quán tàng; 2. *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên*, tập 1, tr 195-196, Sở Nghiên cứu Nam Dương, Đại học Hạ Môn, 5/1975; 3. *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên*, Hàn Chấn Hoa chủ biên, Đông Phương xuất bản xã, 1988, tr 137: “Quảng Đông thủy sư quốc phòng yếu cơ đồ thuyết” (Lý Chuẩn biên).
- (6) Văn bản được khảo sát dựa trên bản in lại trong [*Địa danh hồi biên-1987*] tr 360-362. Đối chiếu bản in lại trong *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên - 我國南海諸島史料匯編* do Hàn Chấn Hoa chủ biên, Đông Phương xuất bản xã, 1988 (795 trang, phát hành nội bộ), tr 133-137. Các trích dẫn về sau viết tắt là [*Sử liệu hồi biên-1988*].
- (7) Xem Phụ lục 1, phần b.
- (8) Nguồn [*Địa danh hồi biên-1987*] tr 363; [*Sử liệu hồi biên-1988*] tr 131-133.
- (9) Theo [*Địa danh hồi biên-1987*] tài liệu của Thẩm Bằng Phi chưa xuất bản, hiện lưu trữ tại hai nơi: Quảng Đông Trung Sơn đồ thư quán (Thư viện Trung Sơn tỉnh Quảng Đông) và Trung Sơn đại học đồ thư quán (Thư viện Đại học Trung Sơn). Thẩm Bằng Phi sử dụng tên hài âm từ Tây danh, gồm 28 tên đảo và nhóm đảo. (Xem Phụ lục 1, phần c)
- (10) Tài liệu của Phương Tân do “Trung ương chính trị hội nghị-Quảng Châu phân hội nguyệt báo” in ngày 30/10/1928. (Thư viện Trung Sơn, Quảng Đông). Phương Tân sử dụng tên hài âm, gồm 27 tên đảo và nhóm đảo.
- (11) *India Directon*, by J. Horsburgh, Seventh Edition, 1855, Vol. II, p. 367-368.
- (12) Nam Trung Quốc ngũ tỉnh đích khái hướng, phần liên quan Tây Sa, tr 467-468. ???
- (13) Lãng Thuần Thanh (1902-1981), Tiến sĩ Đại học Paris, chuyên gia nghiên cứu dân tộc học cổ đại, Viện Nghiên cứu Dân tộc học Trung ương. Sau 1949, ông giảng dạy tại Đại học Đài Loan. Công trình hữu quan gồm: *Trung Quốc biên cương dân tộc dữ hoàn Thái Bình Dương văn hóa* (1979); *Trung Quốc viễn cổ dữ Thái Bình, Ấn Độ lưỡng dương đích phàm phiệt hòa lâu thuyền đích nghiên cứu* (Nghiên cứu về Trung Quốc viễn cổ và thuyền buồm, thuyền lâu ở hai biển Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương), Trung ương nghiên cứu viện, Dân tộc học nghiên cứu sở xuất bản, Đài Bắc, 1970; “Trung Quốc cổ đại hải dương văn hóa dữ Á Châu Địa Trung Hải”, tạp chí *Hải ngoại*, quyển 3 kỳ 10, năm 1954.
- (14) Xem Phụ lục 2, gồm 14 nguồn tài liệu; các địa danh Lãng Thuần Thanh đã nêu được xem là nguồn thứ 15.
- (15) Xem Phụ lục 2, mục 14.
- (16) Nguồn: [*Địa danh hồi biên-1987*], tr 372, 373.
- (17) *Trung Hoa tân địa đồ - 中華新地圖*, Hồng Mậu Hi và Lý Trường Phó soạn vẽ, Đông Phương dư địa học xã xuất bản, 1946. Trích đoạn hữu quan trang 99 (phần thuyết minh): 團沙群島在西沙南沙之南.有九小珊瑚島.分布於北緯七度四十分至十二度之間.密邇非律賓及婆羅洲.西人稱堤閣灘. *Đoàn Sa quần đảo tại Tây Sa, Nam Sa chi nam, hữu cửu tiểu san hô đảo, phân bố vĩ bắc vĩ thất độ tứ thập phân chí thập nhị độ chi gian, mật nhĩ Phi Luật Tân cập Bà La Châu, Tây nhân xưng Đê Áp than.* (Đoàn Sa quần đảo ở phía nam Tây Sa và Nam Sa (cũ), có 9 đảo san hô nhỏ, phân bố tại 7 độ 40 phân đến 12 độ vĩ bắc, gần sát Phi Luật Tân và Bà La Châu (Borneo), người Tây gọi là Đê Sạp than).

- (18) Lục Đông Á, “Tây Sa quần đảo ứng hữu chi nhận thức”, *Ngoại giao bình luận*, quyển 11 kỳ 10, năm 1933 có đoạn: 查法占九島距非律賓Palawan島有二百海里在我國海南島東南五百三十海里西沙群島之南約三百五十海里.位置處北緯十度至十二度及東經一百十五度之間. *Tra Pháp chiếm cửu đảo cự Phi Luật Tân Palawan đảo hữu nhị bách hải lý, tại ngã quốc Hải Nam đảo đông nam ngũ bách tam thập hải lý, Tây Sa quần đảo chi nam ước tam bách ngũ thập hải lý, vị trí xứ bắc vĩ thập độ chí thập nhị độ, cập đông kinh nhất bách thập ngũ độ chi gian.* (Xét thấy 9 đảo Pháp chiếm cách đảo Palawan thuộc Phi Luật Tân 200 hải lý, cách phía đông nam đảo Hải Nam nước ta 530 hải lý, cách phía nam quần đảo Tây Sa khoảng 350 hải lý, (9 đảo này) nằm trong khoảng 10 đến 12 độ vĩ bắc và 115 độ kinh đông). [*Sử liệu hồi biên-1988*], tr 254.
- (19) Nhận xét của Chấn Minh trong bài “Bình Nam Hải chư đảo địa lý chí lược”, tạp chí *Địa lý chi hữu*, kỳ 1 năm 1948. (Nguồn: [*Địa danh hồi biên-1987*], tr 498).
- (20) Nguồn: [*Địa danh hồi biên-1987*], tr 2.
- (21) Phát hiện sự giải thích sai lầm của Trịnh Tư Ước về từ nguyên “Tizard” với sự liên hệ của “Đề Áp” như đã nêu là do nhóm tác giả Trần Sử Kiên, xem [*Địa danh hồi biên-1987*], tr 2.
- (22) Haushofer, Karl (Ernst), (1869-1946), Hán âm 豪斯霍弗爾 Hào Tư Hoắc Phí Nhĩ, nhà địa lý học Đức, người mở màn trường phái địa-chính trị. Với tư cách một sĩ quan Đức quốc xã, Haushofer sống ở Nhật từ 1908-1910 để nghiên cứu chính sách bành trướng Đông Á, sau về Đức viết thành sách *Thái Bình Dương địa duyên chính trị học* (Học thuyết về địa-chính trị Thái Bình Dương) xuất bản năm 1924, cùng các học trò thành lập tạp chí *Địa-chính trị học*, xiển dương và phát triển thuyết “Không gian sinh tồn” của Ratzel theo chiều hướng phục vụ chủ nghĩa phát xít.
- (23) Phùng Thừa Quân (1887-1946), nhà sử học, du học Bỉ, Pháp, năm 1911 tốt nghiệp khoa Pháp luật học Đại học Paris, về Trung Quốc giảng dạy tại Đại học Bắc Kinh. Chuyên gia nghiên cứu về sử nhà Nguyên và lịch sử quan hệ Trung Quốc-Tây phương. Các công trình dịch thuật và nghiên cứu hữu quan đáng lưu ý gồm: *Giao Quảng Ấn Độ lưỡng đạo khảo* (dịch từ Pháp văn của Paul Pelliot), Thương vụ ấn thư quán, 1955; *Côn Lôn cập Nam Hải cổ đại hàng hành khảo* (dịch của Gabriel Ferrand), Thương vụ ấn thư quán, 1931; *Chiêm Bà sử* (dịch của Georges Maspero), Thương vụ ấn thư quán, 1937; *Tần đại sơ bình Nam Việt khảo* (dịch của Arousseau), Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1935; *Chư phiên chí hiệu chú*, Thương vụ ấn thư quán, 1940; *Trịnh Hòa hạ Tây dương khảo*, Thương vụ ấn thư quán, 1935; *Doanh Nhai thắng lãm hiệu chú*, Trung Hoa thư cục, 1934; *Tinh Sai thắng lãm hiệu chú*, Trung Hoa thư cục, 1936; “An Nam thư lục”, *Bắc Kinh đồ thư quán tập san*, quyển 6 kỳ 1, Bắc Kinh, 1932.
- (24) Trước tác này của Bạch Thọ Di được xem là công trình biên khảo khá hoàn thiện về lịch sử giao thông Trung Quốc, đánh dấu một giai đoạn nghiên cứu mới, một phương pháp nghiên cứu mới. Nội dung phân thành 5 thiên, theo tiến trình lịch sử, từ Tiên Tần đến năm Dân quốc thứ 23 (1934). Trong mỗi thiên phân thành nhiều chương, khảo tả về hoạt động giao thông trên bộ, trên sông, trên biển, trên không (ở phần hiện đại); về các phương tiện giao thông, các nơi đô hội, bến cảng; về các mục đích giao thông quân sự, thương nghiệp... *Trung Quốc giao thông sử* xuất bản lần đầu năm 1937, sau đó tái bản nhiều lần. Năm 2007, Đoàn kết xuất bản xã tái bản trong bộ tùng thư *Dân quốc*

trên bản tùng san (Bắc Kinh). Trong lần tái bản này, các địa đồ minh họa giao thông trên biển được ban biên tập chỉnh sửa bổ sung hải giới (ở các trang 62, 77, 79, 108, 109, 112, 154, 156, 157), theo quan điểm hiện nay.

(25) Nguồn: [*Địa danh hải biên-1987*], tr 44.

TÓM TẮT

Dựa trên các cứ liệu thành văn, có thể khảo sát được, tác giả phân chia quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ năm 1909 đến năm 2005 thành hai giai đoạn: giai đoạn đầu từ 1909 đến 1947 là giai đoạn sơ thám; giai đoạn sau từ 1948 đến 2005 là giai đoạn bột phát và định hình. Giai đoạn sơ thám biểu lộ rõ hai động thái ứng phó cho một chọn lựa địa danh ở vùng biển Nam Hải của chính phủ Trung Hoa Dân quốc:

Một là, phương án công bố năm 1935, không sử dụng địa danh thuần Hán, tức chấp nhận sự mất liên lạc với lịch sử của địa danh để chiếm lĩnh hệ tọa độ địa lý. Động thái này cho thấy đây là thời điểm bắt đầu thực hiện ý đồ chiếm lĩnh (nếu được) vùng biển mà Trung Quốc chưa từng làm chủ.

Hai là, phương án công bố năm 1947, Hán hóa một số địa danh khi đã mượn tượng được một chiến lược nguy hiểm dùng sử liệu làm căn cứ để áp đặt chủ quyền.

ABSTRACT

A STUDY ON HISTORY AND GEOGRAPHIC NAMES OF ISLANDS IN SOUTH CHINA SEA

On the basis of available documents, the author divides the process of Chinese scholars' study regarding the islands in the South China Sea from 1909 to 2005 into 2 stages: The first stage just of preliminary survey from 1909-1947 and the second stage from 1948-2005 with booming activities and established planning. The stage of preliminary survey represents two measures taken by the Taiwanese government for the geographical names in the South China Sea: One is the project declared in 1935 which decided against using pure Chinese names; That is, to sacrifice Chinese historical links to the names in exchange for the ownership claim to the area. This decision represents the early steps of a scheme to occupy (if possible) the sea that China had never owned. The second measure is the project declared in 1947 to change a number of the names into Chinese after the Chinese government was somehow sure of a position to unilaterally claim their sovereignty over the South China Sea by means of sophism based on historical documents.

NAM HẢI CHƯ ĐẢO LỊCH SỬ ĐỊA DANH KHẢO LUẬN (Tiếp theo)

Phạm Hoàng Quân*

LTS. “Nam Hải chư đảo lịch sử địa danh khảo luận” là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả Phạm Hoàng Quân, nhằm chứng minh Tây Sa và Nam Sa (tức Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam) vốn không thuộc chủ quyền của Trung Quốc trong lịch sử. Tập khảo luận này gồm 3 chương và phần phụ lục. Chương 1: Nam Hải chư đảo - đảo danh trong thư tịch hiện đại (đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (65).2007); Chương 2: Khái quát về quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ 1909-2005; Chương 3: Vấn đề lịch sử địa danh Nam Hải chư đảo trong thư tịch cổ Trung Quốc. So với dự kiến ban đầu, nhan đề của tập khảo luận “Nam Hải chư đảo danh xưng sơ khảo” được tác giả đổi thành “Nam Hải chư đảo lịch sử địa danh khảo luận”, các chương mục cũng được tác giả chỉnh sửa lại do những phát hiện mới trong quá trình tiếp cận tư liệu. Vì là công trình nghiên cứu cá nhân, lại phải mất nhiều thời gian và công sức tra cứu, tham khảo hàng ngàn trang tư liệu, nên việc công bố không thể bảo đảm sự liên tục. Cũng do số trang của tạp chí có hạn, các phụ lục sẽ được đăng dần ở các số báo tiếp theo.

Chương II

Khái quát về quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ 1909 đến 2005

B. Giai đoạn bột phát và định hình (1948-2005)

Trên cơ sở những công trình nghiên cứu hoặc thâm nhập được ở *giai đoạn sơ thám*, các lĩnh vực liên quan đến Nam Hải chư đảo được triển khai trên diện rộng, dày dặn và chuyên sâu hơn, ngoài các công trình nghiên cứu về kinh tế, quốc phòng, giao thông... là các công trình khai thác sử liệu để gắn kết đảo danh và lập thành một hệ thống lý luận chứng minh "chủ quyền trong lịch sử". Quan sát diễn biến các luận văn và các phát ngôn đã công bố của học giới, giới chức hữu quan Trung Quốc sẽ dễ dàng nhận thấy rằng *yếu tố lịch sử* rất mờ nhạt trong *giai đoạn sơ thám* sẽ được hiện hình ngày một rõ nét trong *giai đoạn bột phát và định hình*. Điều này có thể được lý giải rằng, đó là động thái đối phó với một quốc gia lân cận - Việt Nam - hiện đang sở hữu hai trong bốn quần đảo Nam Hải với những chứng cứ liên tục, chặt chẽ và ổn định.

* Thành phố Hoà Chí Minh.

Như một cuộc đua ngược dòng thời gian bột phát bất thường giữa học giới Trung Quốc, các đảo danh được xác định lúc đầu có bằng chứng từ thời Minh, rồi Nguyên, Tống và chạy mãi tới Hán, thậm chí đến Tần. Để tìm hiểu giai đoạn này, chúng ta sẽ lần lượt tiếp cận từng phương thức thể hiện đối tượng, tức các địa danh vùng biển Nam Hải gồm:

- Các bài viết ngắn trên báo hoặc tạp chí;
- Các công trình nghiên cứu in thành sách;
- Các địa đồ và địa đồ tập;
- Các văn kiện của chính phủ Trung Quốc.

1. Vấn đề địa danh Nam Hải chư đảo trên các báo san

Trong giai đoạn hơn 50 năm này, ước tính toàn Trung Quốc có hơn 2.000 bài viết đăng trên các báo (riêng *Nhân Dân nhật báo* khoảng 400 bài) nêu lên vấn đề địa danh, chủ quyền và các mặt khác thuộc Nam Hải chư đảo. Khảo luận này sẽ chọn 10 bài viết làm cơ sở tham khảo. Việc chọn lọc tuy chủ quan nhưng dựa vào các tiêu chí như sau: Tính thời điểm của các bài viết; tính phổ quát của các nội dung được đăng tải; tính toàn diện của các cơ quan tuyên truyền và đương nhiên, phải liên quan trực tiếp đến việc định danh hoặc quần thể hoặc cá thể các đảo ở Nam Hải.

Ngày 7/6/1956 *Quang Minh nhật báo* đăng bài "Nam sa quần đảo hòa Đông, Tây, Trung Sa quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc đích lãnh thổ" của Chu Khiết. Tác giả bài viết này khá am hiểu về Việt Nam, năm 1945 đã từng sang Việt Nam với vai trò đại biểu Bộ Tài chính trong đoàn cố vấn chính phủ Quốc Dân đảng, thực thi nhiệm vụ của phe Đồng minh tiếp nhận sự đầu hàng của quân đội Nhật Bản tại Hà Nội.⁽²⁶⁾

Bài viết của Chu Khiết ước hơn 2.000 chữ, phủ nhận sự đòi hỏi chủ quyền của Phi Luật Tân, tóm lược quá trình tiếp thu Tây Sa và Nam Sa từ quân đội Nhật Bản năm 1946, nhắc lại lời tuyên bố của Bộ trưởng Ngoại giao Chu Ân Lai về chủ quyền Nam Hải chư đảo ngày 15/8/1951... Chu Khiết tự nhận thấy rằng "từ Đường Tống trở về trước, tuy đã có nhiều kỹ thuật tư nhân ghi nhận về các đảo Nam Hải nhưng danh xưng bất nhất, đạo lý bất tường, khó mà chứng minh được",⁽²⁷⁾ riêng từ đời Minh về sau có thể dựa vào các sách địa phương chí và một số ghi chép tư gia để khẳng định quyền sở hữu của người Trung Hoa đối với các quần đảo Nam Hải. Thư tịch Chu Khiết dẫn dụng gồm 8 sách⁽²⁸⁾ và một trích đoạn điều ước Trung-Pháp (Bắc Kinh 26/6/1887). Sáu trong số 8 cuốn sách mà Chu

Khiết nêu tên không nói lên được điều gì cụ thể, không nêu chương mục và kể cả trích văn dẫn chứng nên chúng tôi không bàn đến. Riêng về 2 sách *Quảng Đông thông chí* và *Quỳnh Châu phủ chí* Chu Khiết viết rằng: "Trong các sách này gọi Tây Sa quần đảo, Trung Sa quần đảo là Thiên Lý Thạch Đường, cũng liền một dải với San Hô quần đảo dài đến ngàn dặm một mạch liên tiếp tức Nam Sa quần đảo."⁽²⁹⁾ Về mặt trích dẫn tài liệu lịch sử, Chu Khiết thiếu hẳn tính khoa học, 2 sách được nêu không rõ do ai soạn (Tổng tài) và soạn năm nào. *Quảng Đông thông chí* chỉ ít có đến 4 bộ gồm: 1) do Hoàng Tá làm Tổng tài, soạn năm 1560 (Minh, Gia Tĩnh năm thứ 39); 2) do Kim Quang Tổ soạn năm 1679 (Thanh, Khang Hy năm thứ 18); 3) do Hách Ngọc Lâm soạn năm 1731 (Thanh, Ung Chính năm thứ 9); 4) do Nguyễn Nguyên soạn năm 1822 (Thanh, Đạo Quang năm thứ 2). Đây không xét tên gọi ứng với vị trí quần đảo nào trong vùng Nam Hải [thuộc mục tiêu của chương III], chỉ nhìn riêng về cách ghi nhận tên gọi, 4 bộ *Quảng Đông thông chí* nêu trên chỉ ghi nhận các tên Vạn Lý Thạch Đường, Vạn Lý Trường Sa, Thạch Đường Hải, Trường Sa Hải, Thiên Lý Trường Sa.⁽³⁰⁾ Như vậy, tên Thiên Lý Thạch Đường do Chu Khiết nêu ra không rõ từ đâu.

Quỳnh Châu phủ chí chỉ ít có đến 5 bộ: 1) do Ngư Thiên Túc làm Tổng tài, soạn năm 1676 (Thanh, Khang Hy năm thứ 15); 2) do Giả Đường soạn năm 1706 (Thanh, Khang Hy năm thứ 45); 3) do Tiêu Ứng Thực soạn năm 1774 (Thanh, Càn Long năm thứ 39); 4) do Bạch Minh Nghị soạn năm 1841 (Thanh, Đạo Quang năm Tân Sửu); 5) do Long Bản bổ san năm 1891 (Thanh, Quang Tự năm thứ 16). Hai bộ sau cùng được xem là hoàn chỉnh vì kế thừa và bổ sung ba bộ trước đó, cũng chỉ ghi nhận các tên: Vạn Lý Trường Sa, Thạch Đường Hải, Trường Sa Hải, Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường.⁽³¹⁾

Tóm lại, hai bộ địa phương chí mà Chu Khiết nêu khó tìm được tên Thiên Lý Thạch Đường và San Hô quần đảo để cho ứng vào Tây Sa và Nam Sa như bản ý của bài viết. Chu Khiết là người hiếu học, trước đây đọc *Việt Nam thọ hàng nhật ký* tôi thầm khen ông ta cẩn thận và ưa tìm hiểu. Trong 6 tháng làm việc ở Việt Nam, mỗi tối ông đọc *Việt Nam cổ sử* do người bạn là Trần Tu Hòa soạn, lại đọc và nghiên cứu *Đại Việt sử ký toàn thư*, sau đó lại biên soạn *Việt Nam lịch đại vương triều thế hệ*

biểu...⁽³²⁾ Tuy nhiên, qua bài viết trên *Quang Minh nhật báo*, Chu Khiết tỏ ra yếu kém về kiến thức lịch sử địa dư Trung Quốc.

Nam Phương nhật báo ngày 13/8/1956 đăng bài viết của Mạch Uẩn Du tiêu đề "Nam Sa quần đảo thị ngã quốc đích thần thánh lãnh thổ, bất dung xâm phạm" (ước hơn 3.000 chữ). Trong đoạn văn dùng cứ liệu lịch sử để chứng minh chủ quyền, họ Mạch dẫn dụng 8 tên sách gồm: 1) *Chư phiên chí*,⁽³³⁾ 2) *Nguyên sử*, 3) *Võ bị chí*, 4) *Tinh sai thắng lãm*, 5) *Doanh nhai thắng lãm*, 6) *Tây dương phiên quốc chí*, 7) *Dương phòng tập yếu*, 8) *Hải quốc kiến văn lục*.⁽³⁴⁾ So với Chu Khiết, họ Mạch tiến xa hơn về niên đại sách dẫn, *Chư phiên chí* viết đời Tống và *Nguyên sử* thuộc sử liệu đời Nguyên, các sách số 3, 4, 5, 6 thống nhất với Chu Khiết, bốn sách này liên quan trực tiếp đến sự kiện Trịnh Hòa hạ Tây dương. Về sử liệu đời Thanh, họ Mạch không dẫn địa phương chí như Chu Khiết mà dẫn 2 sách 7, 8 là các biên chép về biển. Phương pháp luận của họ Mạch không hơn họ Chu, nghĩa là chỉ kể tên sách và nói rằng các sách ấy có ghi nhận các tên gọi Vạn Lý Trường Sa hoặc Vạn Lý Thạch Đường, Thiên Lý Trường Sa hoặc Thiên Lý Thạch Đường tức ám chỉ Tây Sa và Nam Sa.⁽³⁵⁾

Nhân Dân nhật báo ngày 28/2/1959 đăng bài viết "Trung Quốc đối Tây Sa quần đảo đích chủ quyền tuyệt đối bất dung xâm phạm". Bài viết này đặt trọng tâm vào vấn đề "chủ quyền truyền thống" để phản đối các công bố của chính phủ Nam Việt Nam, lập luận đại ý rằng: "Từ thế kỷ 15, các quần đảo ở biển Nam Trung Quốc gồm Nam Sa, Đông Sa, Trung Sa và Tây Sa đã được liệt nhập vào bản đồ Trung Quốc nên thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Lúc ấy người Trung Hoa gọi Tây Sa quần đảo bằng tên Thất Châu Dương, việc này có thể thấy rõ qua sách *Tinh sai thắng lãm* của Phí Tín, người đã cùng Trịnh Hòa hạ Tây dương và cũng thấy trong *Trung Quốc khôn dư tường chí* của giáo sĩ Gia Tô người Pháp là Hạ Chi Thời [Richard Louis] xuất bản năm 1905, sách này chứng thực rằng cổ thư Trung Quốc từng gọi Tây Sa quần đảo là Thất Châu Dương."⁽³⁶⁾ Sự gắn kết có vẻ như khách quan này - qua một chứng thực do trứ tác của người Pháp - về tên gọi Thất Châu Dương đối với Tây Sa của *Nhân Dân nhật báo* cùng với nhiều bài viết khác đương thời là một bước đi quá đà. Sau 20 năm nghiên cứu cẩn thận, Đàm Kỳ Tương, một học giả thuộc loại giỏi ở Trung Quốc - chuyên trị lĩnh vực lịch sử địa lý học - trong bài "Thất Châu Dương khảo"⁽³⁷⁾ đã thừa nhận rằng: "Trong hơn 70 năm qua, do sự ảnh

hưởng sách *Trung Quốc khôn dư tường chí* của Hạ Chi Thời quá lớn, các nhà Hán học ngoại quốc như Bá Hy Hòa [P. Pelliot], Đằng Điền Phong Bát (Nhật), các nhà sử địa học trong nước như Phùng Thừa Quân, Hưởng Đạt,⁽³⁸⁾ cho đến vô số bài báo trước sau giải phóng (1949) đề cập đến lịch sử Nam Hải chư đảo, dựa vào đó để tạo ra quá nhiều lập luận. Trên thực tế tuyệt đối rơi vào sai lầm."⁽³⁹⁾ Đàm Kỳ Tương đã chứng minh cụ thể địa danh Thất Châu Dương mà Phí Tín và Richard Louis nói đến không thể ứng vào vị trí Tây Sa quần đảo như kết luận của *Nhân Dân nhật báo* ngày 28/2/1959.

Quang Minh nhật báo ngày 24/11/1975 đăng bài "Nam Hải chư đảo tự cổ tựu thị ngã quốc lãnh thổ" ước hơn 6.000 chữ của Sử Đệ Tổ,⁽⁴⁰⁾ nội dung chia làm 4 phần: 1) Khái quát về địa lý Nam Hải chư đảo; 2) Việc phát hiện và kinh doanh tại Nam Hải chư đảo của nhân dân Trung Quốc; 3) Sự quản lý hành chính đối với Nam Hải chư đảo của chính phủ Trung Quốc trong các thời kỳ lịch sử; 4) Không chấp nhận sự xâm phạm đối với lãnh thổ thần thánh.⁽⁴¹⁾ Liên quan đến lịch sử địa danh thuộc phần 2 và 3, về niên đại phát hiện các quần đảo vùng Nam Hải của người Trung Quốc và quản lý chúng của quan viên hành chính địa phương được Sử Đệ Tổ xác định từ đời Đông Hán [qua sách *Hậu Hán thư*], tức sớm hơn gần 1.000 năm so với Mạch Uẩn Du xác định (đời Tống). Chỉ riêng trong sử tịch Trung Quốc, Sử Đệ Tổ dẫn dụng 26 đơn vị⁽⁴²⁾ gồm 22 sách và 4 địa đồ, quá trình mệnh danh được diễn tả như sau [đại ý]: Từ đời Hán đến Tam Quốc vùng biển Nam Hải được gọi là Trường Hải; đời Tống, Nguyên các quần đảo ở Nam Hải được gọi là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, quần đảo Tây Sa gọi là Thất Châu Dương hoặc Cửu Nhũ Loa Châu; đời Minh gọi chung các quần đảo là Thạch Tinh Thạch Đường, Thạch Đường, Vạn Sinh Thạch Đường dư; đến đời Thanh, không thấy Sử Đệ Tổ cho tên gọi tương đương mặc dầu có dẫn các sách để chứng tỏ sự quản lý hành chính. Dựa vào một chi tiết trong *Sứ Tây ký trình* của Công sứ nhà Thanh là Quách Tung Đảo, Sử Đệ Tổ vô tình thừa nhận Tây Sa có một danh xưng rất Tây là Phạ Lạp Tô đảo 帕拉蘇島 và không lý giải được về sự biến đổi đột ngột về cách gọi tên này trong một thời điểm lịch sử khá gần và mang tính then chốt trong chuỗi lập luận. Ngoài việc đẩy lùi về quá khứ một cách ngoạn mục qua việc tăng cường số thư tịch gấp ba lần so với các tác giả trước đây, Sử Đệ Tổ còn phác dạng một mô thức

diễn tả quá trình mệnh danh cho vùng biển và các quần đảo Nam Hải, tuy nhiên công việc này chỉ đáng gọi là một cuộc diễn tập cho các cuộc biểu diễn sử liệu về sau này của các học giả khác. Khuyết điểm dễ nhận thấy trong bài viết của Sử Đệ Tổ là lặp lại sai lầm của *Nhân Dân nhật báo* về vấn đề gắn tên Thất Châu Dương cho quần đảo Tây Sa, và bản thân tác giả không giải quyết được đề cương tự định ra, tức trong việc mệnh danh theo tiến trình lịch sử các triều đại đã bỏ mất giai đoạn nhà Đường-Ngũ đại (618-960) và cuối cùng không lý giải vì sao những danh xưng có bề dày lịch sử đã không còn sử dụng vào đời Thanh. Trong chuyên luận *Hoàng Sa - quần đảo Việt Nam* của tác giả Văn Trọng⁽⁴³⁾ nhiều lập luận sai lầm thuộc các điều mục cụ thể do Sử Đệ Tổ nêu ra được phân tích khá rõ.⁽⁴⁴⁾

Một phương thức khác - thể hiện việc sử dụng địa danh làm tiền đề cho vấn đề chủ quyền - cần được tham khảo, có thể xem bài "Tây Sa quần đảo hòa Nam Sa quần đảo tranh doan đích do lai" do *Tân Hoa xã* công bố ngày 14/5/1979 và *Nhân Dân nhật báo* đăng ngày 15/5/1979.⁽⁴⁵⁾ Bài viết này không liệt kê sử liệu Trung Quốc để chứng minh chủ quyền như các bài viết đã lược tả, mà chỉ khai thác các lời phát ngôn của giới chức có thẩm quyền hoặc các ấn phẩm của quốc gia lân cận (Việt Nam), các phát ngôn hoặc ấn phẩm này liên quan đến vấn đề hải giới, hoặc liên quan đến vấn đề danh xưng các quần đảo Nam Hải, xuất hiện từ năm 1956 đến năm 1974.⁽⁴⁶⁾

Bài viết trên tuy nằm ngoài chủ trương nghiên cứu của khảo luận này, tuy nhiên chúng tôi vẫn đề cập đại khái và xem nó như là một biểu hiện của chiều hướng nghiên cứu đối kháng tiêu biểu, đồng thời xem đó như là một thành tố trong hệ thống luận chứng của chính giới và học giới Trung Quốc về vấn đề đang xem xét.

Hướng lý luận đối sánh sử liệu trong và ngoài Trung Quốc là một hình thức sâu sắc hơn của chiều hướng nghiên cứu đối kháng được trình bày qua bài viết một vạ chữ của Quách Vĩnh Phương đăng trên tập san của Trung Quốc Khoa học viện đồ thư quán ngày 20/9/1979 với tiêu đề "Việt Nam sử tịch ký tải đích Hoàng Sa, Trường Sa quyết phi ngã Tây Sa, Nam Sa quần đảo" [Hoàng Sa và Trường Sa biên chép trong sử tịch Việt Nam không phải là Tây Sa và Nam Sa quần đảo của nước ta].⁽⁴⁷⁾ Bài viết này, về mục đích như đề tựa đã nêu, nghĩa là chứng minh rằng các tên gọi

Hoàng Sa và Trường Sa trong nhiều nguồn thư tịch cổ của Việt Nam đề cập là để chỉ những nhóm đảo hoặc bãi cát ven biển miền Trung Việt Nam, chúng hoàn toàn khác với Tây Sa và Nam Sa mà Trung Quốc đang gọi và sử tịch Trung Quốc từng gọi bằng các tên khác, cũng có nghĩa là mệnh danh trong sử tịch và hiện tại do Trung Quốc sử dụng ứng vào vị trí thực thể địa lý Nam Hải chư đảo, và ngược lại đối với Việt Nam.

Ngoài việc truy tầm các sử liệu Việt Nam để phân tích và suy diễn trên quan điểm đối kháng, Quách Vĩnh Phương cũng phản bác các luận điểm của học giới Việt Nam hiện đại như Thái Văn Kiểm, Lãng Hồ, Nguyễn Nhã qua các bài viết in trong tập san *Sử địa* số 29 (Tháng 1-3 năm 1975) và Văn Trọng qua bài viết trong tạp chí *Cộng sản* (Kỳ 6, năm 1979).

Cần nhấn mạnh rằng vào thời điểm này, công việc phiên dịch các bài viết hoặc biên khảo khoa học bằng Việt văn sang Trung văn đối với đề tài Hoàng Sa-Trường Sa trở nên khẩn trương đối với học giới Trung Quốc. Tiêu biểu là năm 1978 *Thương vụ ấn thư quán* xuất bản công trình biên dịch của Đới Khả Lai⁽⁴⁸⁾ "Hoàng Sa hòa Trường Sa đặc khảo - 黃沙和長沙特考" từ nguyên tác Việt văn "Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa" tức quý san *Sử địa* số 29. Học giới Trung Quốc sử dụng bản dịch này ở hai góc độ, một là, làm đối tượng để tranh biện; hai là, thu thập các thông tin về khảo sát khoa học, khảo cứu từ nguyên các địa danh gốc Tây phương để bổ sung hoặc lý giải một số vấn đề còn bỏ ngỏ và giải thích sai lầm trước đây.

Về phương pháp thực hiện, Quách Vĩnh Phương trích lục dữ liệu mô tả Hoàng Sa và Trường Sa từ 12 bộ sử thư và dư địa chí Việt Nam⁽⁴⁹⁾ từ thế kỷ 15 đến đầu thế kỷ 20, đồng thời vận dụng thêm 3 bộ cổ sử⁽⁵⁰⁾ và bộ *Đồng Khánh ngự lãm địa dư đồ chí* do Đông Dương Văn khố ấn hành tại Nhật Bản năm Chiêu Hòa 18 (1943), bản dịch *Chiêm Bà sử* của Phùng Thừa Quân (từ nguyên tác Pháp văn của Georges Maspero); tài liệu/hồ sơ trích từ *Dị vực truyền giáo hội đương án - Giao Chỉ China* (quyển 726, trang 519-533) của Giám mục Labbe, năm 1718; từ sách *Giao Chỉ China địa lý lược ký* của Tháp Bá Nhĩ [Jean Louis Tabert]; Hội san *Luân Đôn địa lý học hội* [Journal of the Geographical Society of London] quyển 19, năm 1849. Sử liệu Trung Quốc được vận dụng 18 loại, trong đó gồm 7 địa đồ, 3 tập địa đồ thuyết minh, 7 sách trong kho tàng văn hiến và 1 sách thời Dân quốc.⁽⁵¹⁾

Vốn sẵn lợi thế trong việc đọc và xử lý tài liệu Hán văn Việt Nam, Quách Vĩnh Phương tiến hành việc nghiên cứu với nguồn tư liệu khá phong phú, nêu được nhiều vấn đề mới lạ khác hẳn các bài viết trước. Trong khuôn khổ toát yếu, chúng tôi nhận thấy cách đặt vấn đề của họ Quách khá đơn giản và giải quyết vấn đề thì lại quá phức tạp, thiếu phương pháp chọn lọc sử liệu dẫn đến tình trạng "chết đuối" trong số lượng (sử liệu được dẫn dụng đơn điệu bởi chỉ mang đặc tính mô tả địa lý sơ lược và sao chép từ một nguồn), biện giải vấn đề phiến diện do chối bỏ quan điểm ứng dụng phương pháp địa danh học của đối phương. Thí dụ dưới đây nhằm minh họa cho một trong các nhận định đã nêu. Quách Vĩnh Phương viết:

"Theo bức "An Nam đồ" trong sách *Võ bị chí* của Mao Nguyên Nghi đời Minh, ở bờ biển gần phủ Thuận Hóa thuộc Trung Bộ Việt Nam, vị trí này được vẽ tách biệt hai cảng khẩu, và ghi rõ là "Tiểu Trường Sa hải khẩu" và "Đại Trường Sa hải khẩu".

Căn cứ vào bức "An Nam quốc dư địa đồ" hiện tàng trữ tại Cố cung Bắc vật viện, tại cửa biển Thuận Hóa, phủ Thừa Thiên có vẽ hai đảo nhỏ, ghi rõ là "Tiểu Trường Sa" và "Đại Trường Sa".⁽⁵²⁾

Đoạn văn trên là một trong 16 cứ liệu tương tự được họ Quách dẫn dụng để chứng minh các danh xưng Hoàng Sa và Trường Sa mà học giả Việt Nam đang đề cập, thật ra chỉ là những đảo nhỏ hoặc bãi cát ven bờ biển từ cửa Việt (Quảng Trị) đến cửa Thuận An (Thừa Thiên Huế) với các tên "Tiểu Trường Sa" và "Đại Trường Sa".

Vấn đề đáng bàn là cách củng cố lý luận của họ Quách ở đoạn văn vừa nêu, sau khi đưa ra một cứ liệu của người Trung Quốc đời Minh về địa đồ An Nam và sau đó là một đối sánh nhằm củng cố vấn đề được dẫn bởi một địa đồ không rõ nguồn gốc [và nhiều khả năng được thực hiện bởi người Trung Quốc qua cách đặt tên bức địa đồ]. Ngoài việc lập luận không có tính thuyết phục,⁽⁵³⁾ cách giải quyết vấn đề theo kiểu đắp đổi và khai thác sự trùng lặp địa danh của Quách tiên sinh khiến tôi liên tưởng đến bức "Diên hải toàn đồ" trong *Hải quốc văn kiến lục* của Trần Luân Quýnh,⁽⁵⁴⁾ trong bức địa đồ bờ biển Trung Quốc này tiêu danh Đông Sa và Tây Sa ở vị trí hai bên tả hữu cảng Đại Quan thuộc phủ Liêm Châu tỉnh Quảng Đông đời Thanh! Nhìn chung, bài viết của Quách Vĩnh Phương đem cách giải quyết vấn đề khá phức tạp để giải quyết cách đặt vấn đề

rất đơn giản. Ấn tượng của bài viết là những lời lẽ mạt sát, miệt thị người đối thoại - gần 1.000 chữ trong 1 vạn chữ của khảo luận - có thể nói họ Quách dẫn đầu trong việc sử dụng ngôn từ bất nhã trong số gần 20 học giả tham gia tranh luận học thuyết về vấn đề Nam Hải chư đảo mà tôi được đọc, có quá nhiều đoạn và câu khó mà nghĩ rằng được viết ra bởi người có kiến thức và học vị ở một đất nước mà họ thường tự hào có nhiều ngàn năm văn hiến!

Quang Minh nhật báo ngày 5/4/1980 có bài viết của Hàn Chấn Hoa⁽⁵⁵⁾ với tiêu đề "Tây phương sử tịch thượng đích Phạ Lạp Tắc Nhĩ bất thị ngã quốc Tây Sa quần đảo" [Phạ Lạp Tắc Nhĩ (Paracel) trong sử tịch phương Tây không phải là quần đảo Tây Sa nước ta]. Bài viết ngắn ước 4.000 chữ này với mục tiêu phản bác lại việc xác định chủ quyền Hoàng Sa của chính phủ Việt Nam trong lần công bố "Bạch thư" ngày 28/9/1979. Một trong những lý do xác định chủ quyền mà "Bạch thư" nêu ra căn cứ vào một số tài liệu của các nhà hàng hải và giáo sĩ Tây phương trước thế kỷ 19 về đảo danh Paracel (tức Hoàng Sa). Hàn Chấn Hoa cũng trích dẫn một số tài liệu của phương Tây và cho rằng tên gọi Paracel được mô tả bởi người Tây phương từ trước thập niên thứ 10 thế kỷ 19 là để chỉ các đảo gần bờ biển Trung Bộ Việt Nam, không phải để nói về địa điểm Paracel hiện nay. Nhưng kể từ sau thập niên 20 thế kỷ 19, ghi chép liên quan đến danh xưng Paracel được ám chỉ gồm cả Paracel (Tây Sa, theo cách gọi của Trung Quốc) hiện nay. Đại khái, Hàn Chấn Hoa lợi dụng hiện tượng khái niệm địa danh mở rộng để gắn kết hoặc không gắn kết vào thực thể địa lý, việc gắn kết này có thể "linh động" trong những khoảng thời gian và không gian chủ quan. Thủ pháp này được phát huy trong nhiều công trình nghiên cứu quy mô hơn như "Bãi Cát Vàng, Bãi Trường Sa Kim Địa khảo" (1992) và "Nam Hải chư đảo sử địa luận chứng" (2003)... tiếp cận ở phần khái quát về các công trình nghiên cứu.

Trung Quốc quân sự khoa học tạp chí, kỳ 4 năm 1988 đăng bài viết của 3 tác giả cùng làm việc tại Sở Nghiên cứu học thuật quân sự hải quân, Tô Độc Sử, Ngô Thanh Ngọc và Thân Trường Kính, tiêu đề "Trung Quốc nhân dân vi hãn vệ Nam Sa quần đảo chủ quyền tiến hành đích đấu tranh".⁽⁵⁶⁾ Nội dung chia làm 5 phần, gồm:

1. Nhìn lại lịch sử.
2. Sự chiếm lĩnh bằng quân sự của đế quốc Pháp, Nhật.

3. Sự khôi phục chủ quyền lãnh thổ sau thế chiến.
4. Sự xâm chiếm phi pháp của Việt Nam và các nước.
5. Nhân dân Trung Quốc vì chủ quyền lãnh thổ, đấu tranh bảo vệ Nam Sa quần đảo.

Bài viết mang tính cách giáo dục và cổ động tinh thần nhân dân một ý thức về quần đảo Nam Sa. Liên quan đến vấn đề địa danh thuộc phần "nhìn lại lịch sử", phần viết này tóm lược lai lịch quá trình phát hiện, sở hữu, định danh vùng biển và các đảo, bắt đầu từ Đông Hán đến đời Thanh, vận dụng các sử liệu trong 28 sách⁽⁵⁷⁾ hầu hết các sách trùng lặp với thư mục Sử Đệ Tổ và một số tác giả khác đã trích dẫn.

Trung Quốc biên cương sử địa nghiên cứu (quý san), tạp chí của Trung tâm Nghiên cứu sử địa biên cương, trực thuộc Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, kỳ 1 năm 1992 đăng bài viết của Tô Độc Sử, tiêu đề "Lược đàm hãn vệ ngã quốc hải cương vấn đề" [Bàn về vấn đề bảo vệ cương giới biển nước ta],⁽⁵⁸⁾ bài viết hơn 7.000 chữ này bàn về 3 vấn đề:

1. Xác định biên giới biển là một bộ phận trọng yếu trong tổng thể cương vực quốc gia.
2. Lịch sử đấu tranh gìn giữ cương giới biển của nhân dân Trung Quốc.
3. Tiếp tục tăng cường lực lượng đấu tranh phòng vệ cương giới biển.

Phần thứ nhất trình bày đại cương về tổng thể cương giới biển toàn Trung Quốc, gồm lãnh hải, hải diện, số lượng các đảo và quần đảo; các quy định của quốc gia, công ước quốc tế về lãnh hải và thêm lục địa đã kinh qua trong lịch sử.

Phần hai ôn lại quá trình đấu tranh với các thế lực quân sự nước ngoài, hoặc các cuộc hải chiến hoặc các lần tranh chấp các đảo và quần đảo. Nêu đại lược các quan điểm đề cao tầm quan trọng của hải dương hoặc tầm nhìn chiến lược về hải dương của Lâm Tắc Từ, Ngụy Nguyên, Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông.

Phần cuối cùng là vấn đề phát hiện, chiếm hữu, định danh đối với Nam Hải chư đảo, lược thuật các trận hải chiến Tây Sa năm 1974, Nam Sa năm 1988. Lịch sử khai phát dẫn 6 sách, xưa nhất là *Dị vật chí* của Dương Phu thời Đông Hán, trình bày giản lược. Nhìn chung, Tô Độc Sử có khả năng khái quát vấn đề, ngoài việc cung cấp nhiều sử liệu cận hiện đại, bài viết còn phác dạng một nguồn mạch tư tưởng "lấn ra biển lớn" của các

tướng lãnh cao cấp cuối đời Thanh và các lãnh tụ Trung Quốc cận hiện đại [đây cũng là lý do vì sao chúng tôi điểm lược bài viết này, vì xét ra vấn đề lịch sử địa danh được trình bày khá sơ lược].

Không khí báo chí của giai đoạn này sẽ kém khách quan nếu không đề cập đến việc tranh luận về vấn đề xác định địa danh và chủ quyền Tây Sa ↔ Hoàng Sa ↔ Nam Sa ↔ Trường Sa giữa Trung Quốc và Việt Nam. Bối cảnh của khảo luận này là Trung Quốc và đối tượng của phần đang phản ánh là báo san Trung Quốc, vì vậy việc lược bình vấn đề tranh luận chỉ giới hạn trong tập san *Sử địa* số 29 "Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa" với lý do là tập chuyên luận này đã được chuyển dịch sang Trung văn và xuất bản ở Trung Quốc.⁽⁵⁹⁾ Học giả Lãng Hồ⁽⁶⁰⁾ trong bài viết "Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam" đã thảo luận từng điều mục và nêu rõ quan điểm đối với các lập luận của Tề Tân trong bài viết "Nam Hải chư đảo đích chủ quyền dữ Tây Sa quần đảo chi chiến" [Chủ quyền Nam Hải chư đảo và cuộc chiến ở quần đảo Tây Sa],⁽⁶¹⁾ ngoài đối tượng chính là bài viết của Tề Tân, Lãng Hồ cũng đề cập đến một số bài viết trước kia như "Nam Sa quần đảo hòa Đông, Tây, Trung Sa quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc lãnh thổ" của Chu Khiết (*Quang Minh nhật báo*, ngày 7/6/1956); "Ngã quốc Nam Sa quần đảo đích chủ quyền bất dung xâm phạm" của Thiệu Tuần Chính (*Nhân Dân nhật báo*, ngày 5/6/1956); "Nam Hải chư đảo lịch lai thuộc Trung Quốc" (*Học thời sự - Văn Hối báo*, số 2/1974).

Bài viết của Tề Tân dẫn cứ liệu từ 8 sách cơ bản trong sử tịch từ Đông Hán đến Thanh, một điều mục trong "Tục hiệp nghị Trung-Pháp-Việt (26/6/1887)" và các địa đồ của Anh, Mỹ, Nga, Ý xuất bản từ năm 1953 đến 1973. Tề Tân và các tác giả khác - chung quy - vẫn trên quan điểm dựa vào cứ liệu trong sử tịch để khẳng định chủ quyền lịch sử và suy ra chủ quyền hiện tại. Cứ liệu cơ bản của Lãng Hồ được trích lục từ 10 sách trong sử tịch Trung Quốc, 2 trứ tác thời Dân quốc, 3 điều mục từ các hiệp ước Pháp-Trung ngày 9/6/1886, Thiên Tân ngày 18/5/1884, Bắc Kinh ngày 26/6/1887 và biên niên sự kiện từ 1879 đến 1974, 3 trứ tác của học giả Nhật Bản hiện đại, 2 trứ tác của học giả Tây phương và 7 nguồn tư liệu Việt Nam.⁽⁶²⁾

Phương pháp của Lãng Hồ là - trên cơ sở các điều mục mà học giới Trung Quốc dẫn dụng - tiến hành phân tích để tìm đến một cách thấu hiểu

nhất quán, hoặc đối chiếu cách ghi nhận từ nhiều thư tịch về một sự kiện, sự vật để tìm đến một giải pháp thừa nhận hoặc phủ định, sự hợp lý của vấn đề được tìm kiếm trong tần suất và tính khoa học của cứ liệu.

Sau khi bài viết của Lãng Hồ [cùng toàn bộ tập san *Sử địa* số 29] được giáo sư Đại học Trịnh Châu Đới Khả Lai dịch sang Trung văn, Quách Vĩnh Phương và nhiều học giả khác đã viết bài tranh luận, tuy nhiên, mỗi bài viết chỉ đề cập đến vài điểm - tùy theo sở trường của người viết - và những luận điểm phản hồi cho thấy chưa có sự thông hiểu - ít ra - về chuẩn mực khoa học bị cách trở bởi rào cản ngôn ngữ/văn tự.⁽⁶³⁾

Một vài cơ quan báo san khác trong vùng Đông Nam Á được điều hành hoặc có sự tham gia hoặc chịu sự tác động bởi các Hoa kiều cũng góp một phần vào những chủ trương của đại lục và đảo Đài Loan. Trên cơ sở đồng quan điểm về vấn đề địa danh và chủ quyền lịch sử Nam Hải chư đảo, việc xác định cực nam của Nam Hải chư đảo ở vị trí 4° vĩ bắc (Tăng Mẫu Âm Sa) được công bố khá sớm qua bài viết "Trung Quốc địa vực đích chân giá trị" của Trâu Báo Quân trên nguyệt san *Tự do Thái Bình Dương* (số 3/1957) đặt trụ sở và phát hành chủ yếu tại Chợ Lớn (Sài Gòn).⁽⁶⁴⁾ *Trung Hoa chu báo* đặt trụ sở tại Bangkok (Thái Lan), trong số ra ngày 27/1/1974 có bài viết "Trung-Việt Tây Sa quần đảo tranh chấp, Thái quốc bảo trì bất can dự lập trường"⁽⁶⁵⁾ trong đó tuyên bố ủng hộ chủ quyền hợp pháp của Trung Quốc.

Nhìn chung, trong giai đoạn bột phát và định hình, báo san Trung Quốc đã tiến một bước khá dài, tính chuyên nghiệp cao, ngoài các nhật báo chuyển tải vấn đề ở cấp độ phổ thông là sự xuất hiện các tạp chí chuyên đề, chuyên ngành của nhiều cơ quan nghiên cứu với nhiều bài viết gần với tính chất công trình biên khảo. Hoạt động báo chí giai đoạn này cho thấy một chủ trương tuyên truyền đa dạng đa đối tượng, tuy nhiên hiệu quả của việc lấy số lượng làm tiêu chí cũng đem đến sự bất cập ngoài tiên liệu, con số quá lớn của đơn vị bài viết dẫn đến sự trùng lặp nhàm chán, tình trạng được khắc phục bằng biện pháp truy tìm các cứ liệu trong kho tàng sử thư mêng mông, và động thái tưởng chừng để tăng tính thuyết phục vấn đề lại rơi vào tình thế phát sinh mâu thuẫn. *Ba mâu thuẫn* có thể nhận dạng - trong việc sử dụng cứ liệu lịch sử để định danh, diễn tả quá trình mệnh danh và xác định chủ quyền Nam Hải chư đảo - qua các bài viết là:

1. Mâu thuẫn giữa các dữ kiện trong cùng một bài viết;
2. Mâu thuẫn trong cách lập luận trên dữ liệu giữa các bài viết cùng thời gian;
3. Mâu thuẫn trong cách vận dụng sử liệu và lý giải dữ kiện giữa giai đoạn sơ thám và giai đoạn bột phát, định hình.

(Còn tiếp)

PH Q

Kỳ sau. Vấn đề địa danh Nam Hải chư đảo trong các công trình nghiên cứu đã in thành sách.

CHÚ THÍCH

26. Chu Khiết, tác giả sách *Việt Nam thọ hàng nhật ký* - 越南受降日記, Thương vụ ấn thư quán xuất bản năm 1946, ước 7 vạn chữ. Nội dung phân làm 6 quyển, ghi chép về công việc của tác giả trong 6 tháng (từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 3 năm 1946) ở Hà Nội.

27. "南沙群島和東西中沙群島一向是中國的領土塘塘塘", 朱契, 光明日報, 1956.6.7. 摘文: "遠在唐宋以前, 我國移民海外, 途經這些島嶼即已經有種種私人記載但是所記名稱不一道里不詳自難作為確實證明" ("Nam Sa quần đảo hòa Đông Tây Trung Sa quần đảo nhất hưởng thị Trung Quốc đích lãnh thổ", Chu Khiết, *Quang Minh nhật báo*, 1956.6.7. Trích văn: viễn tại Đường Tống dĩ tiền, ngã quốc di dân hải ngoại, đồ kinh giá ta đảo dư, tức dĩ kinh hữu chủng chủng tư nhân ký tải. Dẫn thị sở ký danh xưng bất nhất, đạo lý bất tường, tự nan tác vi xác thực chứng minh).

28. Tám sách Chu Khiết dẫn gồm: *Võ bị chí* (Mao Nguyên Nghi) dẫn chứng phần "Trịnh Hòa hàng hải đồ"; *Doanh nhai thắng lãm* (Mã Hoan); *Tĩnh sai thắng lãm* (Phí Tín); *Tây dương phiên quốc chí* (Cũng Trân); *Tây dương triều cống điển lục* (Hoàng Tĩnh Tăng); *Thanh nhất thống chí*; *Quảng Đông thông chí*; *Quỳnh Châu phủ chí*.

29. 摘文: "清代地方志書, 包括清一統志, 廣東通志, 瓊州府志在內稱西沙群島中沙群島為千里石塘, 因為這一系列珊瑚群島綿延千里, 一直接到南沙群島" (Trích văn: "Thanh đại địa phương chí thư, bao quát Thanh nhất thống chí, Quảng Đông thông chí, Quỳnh Châu phủ chí tại nội xưng Tây Sa quần đảo, Trung Sa quần đảo vi

"Thiên Lý Thạch Đường", nhân vi giá nhất hệ liệt "San Hô quần đảo" miền diên thiên lý, nhất trực tiếp đảo Nam Sa quần đảo").

30. Ngay trong thư mục mà Chu Khiết trích dẫn, sách được xem là có niên đại sớm nhất tức *Võ bị chí* (1619) trong đó bức "Trịnh Hòa hàng hải đồ" được xem là vẽ năm 1430 (*Võ bị chí*-quyển 240) đảo danh được ghi nhận có tên "Thạch Đường", "Vạn Lý Thạch Đường Dư".

31. Xem *Quyển Châu phủ chí*, Long Bân bổ san, 1891, Lữ Đài Hải Nam đồng hương hội ảnh ấn bản (không ghi năm), 5 cuốn. Quyển Tam, Dư địa chí 4, Cương vực, ghi nhận đảo danh "Thiên Lý Trường Sa", "Vạn Lý Thạch Đường" (cuốn 1, trang 125); Quyển Tứ, thượng, Dư địa chí 6, Sơn xuyên ghi nhận địa danh "Trường Sa Hải", "Thạch Đường Hải", "Thiên Lý Trường Sa", "Vạn Lý Thạch Đường", (cuốn 1, trang 214).

32. Xem chú thích 26 và xem *Việt Nam thợ hàng nhật ký* quyển thứ 6, các ngày 22, 23, 24, 25 tháng 3 năm 1946 (Tiêu đề chung: Việt sử chi nghiên cứu).

33. *Chư phiên chí* (1225) của Triệu Nhữ Quát (Tống) là sách có niên đại sớm nhất trong các sách mà Mạch Uẩn Du dẫn dụng, trước sách *Võ bị chí* (do Chu Khiết dẫn) khoảng 400 năm.

34. Tên sách *Hải quốc văn kiến lục* (1730) của Trần Luân Quỳnh (Thanh) thường bị viết nhầm là *Hải quốc kiến văn lục* như trường hợp Mạch Uẩn Du và Tê Tân.

35. "南沙群島是我國的神聖領土不容侵犯", 麥蘊瑜, 南方日報 1956年8月13日. 摘文: "因此歷代的文獻, 如宋朝趙汝适所著的"諸番志" 清朝嚴如煜所著的"洋防輯要" 元朝元史"史弼傳" 明朝茅元儀所著的"武備志", 費信所著的"槎勝覽", 馬歡所著的"瀛涯勝覽", 巩珍所著的"西洋番國志", 清朝陳倫炯所著的"海國見聞錄"等書, 都說載有南沙, 西沙群島等情況. 他們稱這些島嶼為萬里長沙或萬里石塘, 亦佑稱之為千里長沙或千里石塘的" ("Nam Hải quần đảo thị ngã quốc đích thần thánh lãnh thổ, bất dung xâm phạm", Mạch Uẩn Du, *Nam Phương nhật báo*, 13/8/1956. Trích văn: "Nhân thử lịch đại đích văn hiến, như Tống triều Triệu Nhữ Quát sở trứ đích "Chư phiên chí", Thanh triều Nghiêm Như Dục sở trứ đích "Dương Phòng tập yếu", Nguyên triều Nguyên sử "Sử Bật truyện", Minh triều Mao Nguyên Nghi sở trứ đích "Võ bị chí", Phí Tín

sở trứ đích "Tinh sai thẳng lăm", Mã Hoan sở trứ đích "Doanh nhai thẳng lăm", Củng Trân sở trứ đích "Tây dương phiên quốc chí", Thanh triều Trần Luân Quynh sở trứ đích "Hải quốc kiến văn lục" đảng thư, đô thuyết tải hữu Nam Sa, Tây Sa quần đảo đảng tình hướng tha môn xưng giá ta đảo dư vi Vạn Lý Trường Sa hoặc Vạn Lý Thạch Đường, diệc hữu xưng chi vi Thiên Lý Trường Sa hoặc Thiên Lý Thạch Đường đích"). Nguồn: [*Sử liệu hồi biên*], trang 498.

36. “中國對西沙群島的主權絕對不容侵犯” 人民日報 - 1959年2月28日. 摘文: 遠在十五世紀初, 南中國海的各島群, 包括南沙群島, 東沙群島, 中沙群島以及西沙群島, 就已經列入中國版圖, 成爲中國的領土. 當時中國人把西沙群島呼做“七州洋” 跟鄭和“下西洋”的地理學家費信在他的“星槎勝覽”中, 曾有關於“七州洋”的詳細記載. 在1905年出版的法國耶穌?教士夏之時著的“中國坤輿詳志”中, 也証實中國古書上的“七州洋”就是西沙群島” (Trích văn: "Viễn tại thập ngũ thế kỷ sơ, nam Trung Quốc hải đích các đảo quần, bao quát Nam Sa quần đảo, Đông Sa quần đảo, Trung Sa quần đảo dĩ cập Tây Sa quần đảo, tựu dĩ kinh liệt nhập Trung Quốc bản đồ, thành vi Trung Quốc đích lãnh thổ. Dương thời Trung Quốc nhân bả Tây Sa quần đảo hô tố "Thất Châu Dương", ngân Trịnh Hòa "hạ Tây dương" đích địa lý học gia Phí Tín tại tha đích "Tinh sai thẳng lăm" trung, tăng hữu quan vi "Thất Châu Dương" đích tường tế ký tải. Tại 1905 niên xuất bản đích Pháp quốc Gia Tô giáo sĩ Hạ Chi Thời^(*) trứ đích "Trung Quốc khôn dư tường chí" trung, dã chứng thực liễu Trung Quốc cổ thư thượng đích "Thất Châu Dương" tựu thị Tây Sa quần đảo"). Nguồn: [*Sử liệu hồi biên-1988*], trang 502.

* *Bổ chú*: Hạ Chi Thời (Richard Louis, 1868- ?), giáo sĩ Gia Tô, người Pháp, giảng học tại Đại học Chấn Đán, Thượng Hải. Biên soạn xong *Trung Quốc khôn dư tường chí* năm 1905, được dịch sang Anh văn và xuất bản tại Thượng Hải năm 1908, ngoài ra còn biên soạn *Trung Quốc thập bát tỉnh địa đồ*, Thượng Hải xuất bản, 1908. (Theo *Trung Quốc lịch sử đại từ điển*, năm 2000).

37. "Thất Châu Dương khảo - 七洲洋考", Đàm Kỳ Tương và "Hạ Nãi trí Đàm Kỳ Tương hàm - 廈鷲致譚其驤函" (Thư của Hạ Nãi gửi Đàm Kỳ Tương) ngày 28/10/1979. Xem thêm "Tổng Đoan Tông đáo quá

đích Thất Châu Dương khảo - 宋端宗到過的七洲洋考" của Đàm Kỳ Tương (4/12/1979) và thư Hạ Nãi gửi Đàm Kỳ Tương ngày 19/12/1979, thư Đàm Kỳ Tương gửi Hạ Nãi ngày mùng 10 tháng Giêng năm 1980, thư Hạ Nãi gửi Đàm Kỳ Tương ngày 26 tháng Giêng năm 1980, thư Đàm Kỳ Tương gửi Hạ Nãi ngày 18/2/1980. Nguồn: [Địa danh hồi biên-1987], trang 443-52.

38. Những điều lầm lẫn này có thể thấy trong *Chân Lạp phong thổ ký chú* của Bá Hy Hòa (P. Pelliot) [dịch và chú sách *Chân Lạp phong thổ ký* của Châu Đạt Quan]; *Đảo di chí lược chú* của Đăng Điền Phong Bát [chú giải sách *Đảo di chí lược* của Uông Đại Uyên đời Minh]; *Tây vực Nam Hải sử địa dịch tông* của Phùng Thừa Quân; *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh hiệu chú* của Hướng Đạt [chú giải hai sách khuyết danh đời Thanh là *Thuận phong tương tổng* và *Chỉ nam chính pháp*, in chung thành một sách và gọi tên là *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh*. (Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1961). Các chú giải sai lầm của Pelliot (Pháp), Đăng Điền Phong Bát (Nhật), Phùng Thừa Quân và nhất là Hướng Đạt đã làm các học giả Trung Quốc sai lầm tiếp theo rất nhiều, cứ nghĩ "Thất Châu Dương" [ở vào khoảng 20° vĩ bắc] là ám chỉ Tây Sa [16 - 17° vĩ bắc]. Năm 1975, học giả Việt Nam là Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham trong bài viết "Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam" (tập san *Sử địa* số 29) đã căn cứ vào nguyên văn *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh* để phân tích, và do không bị ảnh hưởng bởi "chú giải" nên đã chứng minh rằng các mô tả về "Thất Châu Dương" trong 2 sách này không ứng vào vị trí Hoàng Sa (Tây Sa) [Xem thêm các chú thích 60, 61].

39. "七洲洋考" (摘文): 始于一九〇五年法人夏之時所著 "中國坤輿詳志"; 七十多年來影響很大. 外國漢學家如伯 駝和. 藤田豐八等. 我國治西域南海史地學者如馮承鈞. 向達等, 以至解放前後所有 涉及南海諸島 歷史的報刊文章, 都沿襲了這種 說法. 但實際上這種 說法是絕對錯誤的. ("Thất Châu Dương khảo" Trích văn: "*Thĩ vu nhất cửu linh ngũ niên Pháp nhân Hạ Chi Thời sử trú Trung Quốc khôn dư tương chí, thất thập đa niên lai ảnh hưởng ngận đại. Ngoại quốc Hán học gia như Bá Hy Hòa, Đăng Điền Phong Bát đẳng, ngã quốc trị Tây Vực Nam Hải sử địa học giả như Phùng Thừa Quân, Hướng Đạt đẳng, dĩ chí giải phóng tiền hậu sở hữu thiệp cập Nam*

Hải chư đảo lịch sử đích báo san văn chương, đô diên sủng liễu giá chủng thuyết pháp. Đản thực tế thượng giá chủng thuyết pháp thị tuyệt đối thác ngô đích". Nguồn: [Địa danh hồi biên-1987], trang 443.

40, 41. Sử Đệ Tổ, "南海諸島自古就是我國領土", 光明日報, 年 1975 11 月 24 日看 "南沙群島歷史地理研究專集" ("Nam Hải chư đảo tự cổ tựu thị ngã quốc lãnh thổ", *Quang Minh nhật báo*, 24/11/1975. Căn cứ theo bản in lại trong sách *Nam Sa quần đảo lịch sử địa lý nghiên cứu chuyên tập*, Trung Quốc Khoa học viện Nam Sa tổng hợp khoa học khảo sát đội (biên soạn), Trung Sơn Đại học xuất bản xã, Quảng Châu, 1991, trang 1-10).

42. Tư liệu Trung Quốc được Sử Đệ Tổ dẫn dụng:

1) *Hậu Hán thư* (Tạ Thừa), Nguồn: *Thái Bình ngự lãm*, quyển 60; 2) *Nam Châu dị vật chí* (Vạn Chấn) Tam quốc; 3) *Phù Nam truyện* (Khang Thái) Tam quốc; 4) *Bình Châu khả đàm* (Châu Úc) Tống; 5) *Lĩnh Ngoại đại đáp* (Chu Khứ Phi) Tống; 6) *Quỳnh Quán chí*, Tống; 7) *Chư phiên chí* (Triệu Nhữ Quát) Tống; 8) *Võ kinh tổng yếu* (Tăng Công Lượng) Tống; 9) *Dương phòng tập yếu* (Nghiem Như Dục) Thanh; 10) *Mộng lương lục* (Ngô Tự Mục) Tống; 11) *Nguyên sử* (Tống Liêm) Minh; 12) *Võ bị chí* (Trịnh Hòa hàng hải đồ) Minh; 13) *Hải ngữ* (Hoàng Trung) Minh; 14) *Đông Tây dương khảo* (Trương Nhiếp) Minh; 15) *Thuận phong tương tống* (Khuyết danh) Thanh; 16) *Chỉ Nam chính pháp* (Khuyết danh) Thanh; 17) *Đông dương Nam dương hải đạo đồ* (Thi Thế Phiếu) Thanh; 18) *Hải quốc văn kiến lục* (Trần Luân Quýnh) Thanh; 19) *Doanh hoàn chí lược* (Từ Kế Dư) Thanh; 20) *Sứ Tây ký trình* (Quách Tung Đảo) Thanh; 21) *Quỳnh Đài ngoại kỷ* (Vương Tá) Minh; 22) *Dư địa kỷ thắng* (Vương Tượng Chi) Tống; 23) *Tuyên Châu phủ chí* (Hoàng Nhậm) Thanh; 24) *Quỳnh Châu phủ chí* (Bạch Minh Nghị) Thanh; 25) *Hoàng Thanh các trực tỉnh phân đồ* (1755); 26) *Đại Thanh nhất thống thiên hạ đồ* (1817).

43. *Hoàng Sa-quần đảo Việt Nam*, Văn Trọng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979 (92 trang).

44. Bài viết của Sử Đệ Tổ đăng trên *Quang Minh nhật báo* ngày 24/11/1975 [mà chúng tôi đã lược khảo], được *Nhân Dân nhật báo* đăng lại vào hôm sau (25/11/1975). Tác giả Văn Trọng căn cứ trên *Nhân Dân nhật báo* để đưa ra các lập luận về những sai lầm của Sử Đệ Tổ, xem sách đã dẫn, các trang 44, 46, 47, 49, 51, 61.

45. “西沙群島和南沙群島爭端的由來” - 新華社北京五月十四日電, 人民日報 1979 年五月十五日 “Tây Sa quần đảo hòa Nam Sa quần đảo tranh đoan đích do lai” (Nguyên nhân của việc tranh chấp quần đảo Tây Sa, quần đảo Nam Sa). Tân Hoa Xã Bắc Kinh ngũ nguyệt thập tứ nhật điện - *Nhân Dân nhật báo* 1979 niên ngũ nguyệt thập ngũ nhật.

46. Xem thêm: [*Địa danh hồi biên*-1987], trang 395-98.

47. “越南史籍記載的“黃沙,“長沙決非我西沙,南沙群島”. Việt Nam sử tịch ký tải đích “Hoàng Sa”, “Trường Sa” quyết phi ngã Tây Sa, Nam Sa quần đảo.

48. Đới Khả Lai, giáo sư Đại học Trịnh Châu, ngoài việc biên dịch “Hoàng Sa hòa Trường Sa đặc khảo”, còn cộng tác với Vu Hưởng Đông viết bài khảo cứu “Vấn đề *Phủ biên tạp lục* và cái gọi là Hoàng Sa, Trường Sa” (撫邊雜錄與所謂“黃沙,“長沙”問題” - *Phủ biên tạp lục* dữ sở vị “Hoàng Sa”, “Trường Sa” vấn đề), ước 6.500 chữ, đại ý bài viết chứng minh rằng các mô tả và định danh của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* không phù hợp với vị trí địa lý Tây Sa và Nam Sa của Trung Quốc. Đới Khả Lai còn có bài “Việt Nam cổ tịch trung đích Hoàng Sa, Trường Sa bất thị ngã quốc đích Tây Sa hòa Nam Sa quần đảo” (Hoàng Sa và Trường Sa trong cổ tịch Việt Nam không phải là Tây Sa và Nam Sa của nước ta) gần 1 vạn chữ, phân tích nhiều nguồn sử liệu Việt Nam. Các bài viết này in trong *Nam Hải chư đảo - địa lý- lịch sử-chủ quyền*, Lữ Nhất Nhiên chủ biên, Hắc Long Giang Giáo dục xuất bản xã, 1992 (thuộc *Biên cương sử địa tàng thư*), trang 194-217.

Trong Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về Việt Nam học tại Hà Nội (từ 15 đến 17/7/1998) Đới Khả Lai có bài tham luận “Hoa kiều và người Hoa ở Việt Nam trong *Hải Nam tạp trước* của Thái Đình Lan” ước một vạn chữ. Xem *Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam*, Tập II, Nxb Thế Giới, Hà Nội, 2002, trang 816-38.

49. Các bộ sử thư và dư địa chí Việt Nam được Quách Vĩnh Phương dẫn dụng: *Hồng Đức bản đồ* (Thế kỷ 15); *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ* (Đỗ Bá - Thế kỷ 17); *Phủ biên tạp lục* (Lê Quý Đôn, 1776); *Lịch triều hiến chương loại chí-Dư địa chí* (Phan Huy Chú, 1821); *Hoàng Việt địa dư chí* (Lê Quang Định, 1833); *Đại Nam thực lục tiền biên* (Quốc Sử Quán,

1844); *Đại Nam thực lục chính biên* (Quốc Sử Quán, 1848); *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (Quốc Sử Quán, 1848); *Việt sử cương giám khảo lược* (Nguyễn Thông, 1876); *Đại Nam nhất thống chí* (Cao Xuân Dục, 1910); *Quốc triều chánh biên toát yếu* (Cao Xuân Dục, 1925); *Ô Châu cận lục* (Dương Văn An, 1555).

50. Ba bộ cổ sử Việt Nam được Quách Vĩnh Phương dẫn dụng: *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên, quyển 2); *Việt sử thông giám cương mục* (Phan Thanh Giản, quyển 3); *Việt sử lược* (Khuyết danh).

51. Sử liệu Trung Quốc được Quách Vĩnh Phương dẫn dụng:

- *Việt Nam dư địa đồ thuyết*. Quang Tự cửu niên, Thịnh Khánh Phát soạn. Quang Tự thập cửu niên, Lữ Điều Dương trùng đính, quyển 1, Quảng Ngãi tỉnh.

- *Việt Nam địa đồ*. Quang Tự nguyên niên, không rõ xuất xứ.

- *Việt Nam tập lược*. Quang Tự tam niên (1877), Từ Diên Húc soạn, Hùng Thức vẽ, quyển thủ dẫn "Việt Nam toàn đồ".

- "An Nam đồ" trong sách *Võ bị chí*.

- *Việt Nam quốc dư địa đồ*. Lưu trữ tại Cố cung Bắc vật viện, không rõ xuất xứ.

- *An Nam đồ thuyết*. Minh. Trịnh Nhưặc Tăng, quyển thủ "An Nam quốc đồ".

- *Minh An Nam đồ*. Niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), Quảng Đông, Quỳnh Nhai Phó Tổng binh Đặng Chung hội chế.

- *Địa đồ tổng yếu*. Minh, Ngô Học Nghiễm-Tứ Di, bức 11 "An Nam đồ".

- *Hoàng Minh Chức Phương lưỡng kinh thập tam tỉnh địa đồ*. Trần Tổ Thọ (Thụ), quyển hạ "An Nam địa đồ".

- *Dư địa yếu lãm*. Minh. Quyển thủ "An Nam đồ".

Các sách: *Đông Tây Dương khảo* (Trương Nhiếp, Minh); *Chỉ Nam chánh pháp* (Thanh); *Thuận phong tương tống* (Thanh); *Tống sử*, quyển 489; *Hải ngữ* (1539) Hoàng Trung; *Hải ngoại kỷ sự* (1695) Thích Đại Sán; *Chư phiên chí*, *Chiêm Thành thuộc quốc khảo*, Sầm Trọng Miễn (1933).

52. 摘文：“明茅元儀“武備志”的“安南圖”中在越南中部順化府附近海岸，分別画有二海口，注明：“小長沙海口”和“大長沙海口”。“越南國輿地圖”故宮博物院藏中，在承天府順化海口也？有二个小島，分別注明為“小長沙”和“大長沙” (Trích văn:

Minh, Mao Nguyên Nghi *Võ bị chí* đích *An Nam đồ* trung tại Việt Nam Trung Bộ Thuận Hóa phủ phụ cận hải ngạn phân biệt hội hữu nhị hải khẩu, chú minh: "Tiểu Trường Sa hải khẩu" hòa "Đại Trường Sa hải khẩu". *Việt Nam quốc dư địa đồ* Cố cung Bác vật viện tàng trung, tại Thừa Thiên phủ Thuận Hóa hải khẩu đã hoạch hữu nhị cá tiểu đảo phân biệt chú minh vi "Tiểu Trường Sa" hòa "Đại Trường Sa"). Nguồn: [*Địa danh hối biên-1987*], trang 410.

53. Về việc tiêu danh "Tiểu Trường Sa" và "Đại Trường Sa" trên địa đồ An Nam (Việt Nam) do người Trung Quốc đời Minh, người Trung Quốc đời Thanh mà Quách Vĩnh Phương trích dẫn, ngoài hai địa đồ nêu ở chú thích 52, còn có:

1. *Việt Nam dư địa đồ thuyết*, Thịnh Khánh Phát, Lữ Điều Dương (1893), quyển 1, Quảng Trị tỉnh. Trích văn: 越海門在登昌縣其江乃果江園橋二源所注. 自越海門至思容乃大長沙北海門為小長沙 [*Việt Hải môn, tự Đăng Xương huyện, kỳ giang nãi Quả Giang, Viên Kiều nhị nguyên sở chú. Tự Việt Hải môn chí Tư Dung nãi Đại Trường Sa, bắc hải môn vi Tiểu Trường Sa - Cửa Việt Hải, ở huyện Đăng Xương, (cửa) sông này do 2 nguồn sông Quả, sông Viên Kiều (đúng phải là Kiệt) đổ vào. Từ cửa Việt Hải đến (cửa) Tư Dung là Đại Trường Sa, phía bắc cửa biển (?) là Tiểu Trường Sa*].

2. *Chư phiên chí Chiêm Thành thuộc quốc khảo* (Khảo về thuộc quốc Chiêm Thành trong sách *Chư phiên chí*) của Sầm Trọng Miển (xuất bản 1933) có đoạn: "大長沙即今富春江口思容海口即今順化小灣南口..." [*Đại Trường Sa tức kim Phú Xuân giang khẩu, Tư Dung hải khẩu tức kim Thuận Hóa tiểu loan nam khẩu - Đại Trường Sa tức nay là cửa sông Phú Xuân, cửa biển Tư Dung tức nay là vũng nhỏ phía nam Thuận Hóa*].

3. *Minh An Nam đồ* của Đặng Chung vẽ trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619).

4. *An Nam đồ thuyết* của Trịnh Nhược Tăng (Minh).

5. *Địa đồ tổng yếu* của Ngô Học Nghiễm (Minh).

6. *Hoàng Minh Chức Phương lũng kinh thập tam tỉnh địa đồ* của Trần Tổ Thọ (Minh).

7. *Dư địa yếu lãm* (Minh).

Như vậy, theo Quách Vĩnh Phương, có 6 địa đồ do người đời Minh vẽ và 2 điều mô tả do người đời Thanh, đời Dân quốc về việc tiêu danh "Tiểu Trường Sa" và "Đại Trường Sa". Theo sự quan sát của chúng tôi, các địa đồ đều là sao chép lại từ một bản sớm nhất, và cùng các mô tả về sau như Thịnh Khánh Phát (1883), Từ Diên Húc (1877), Sầm Trọng Miễn (1933) đều là sự sao chép từ sách *Ô Châu cận lục* (1555) của Dương Văn An (Đại Việt, Mạc). Chúng tôi sẽ có một khảo luận riêng về vấn đề này. Trước mắt, có thể thấy đây là một sai lầm trong việc nhận định vị trí, xuất phát từ việc sử dụng danh xưng không theo quá trình diễn cách. Gần đây, một người Việt Nam không am tường về lịch sử địa dư khi nhìn thấy bức *Việt Nam dư địa đồ* ở thư viện Vương quốc Anh do Từ Diên Húc vẽ (thật ra đây chỉ là bức sao lại như đã nêu) đã vội đưa ra những suy luận thiếu căn cứ [Nguyễn Phúc Giác Hải, báo *Tiền Phong*, ngày 10/1/2008]. Các loại địa danh biểu thị thuộc tính và hình trạng của đối tượng (như bãi cát phía đông, bãi cát phía tây, bãi cát dài lớn, bãi cát dài nhỏ...) rất dễ bị trùng lặp và cũng hay biến đổi theo thời gian, phần lớn các nghiên cứu - kể cả Trung Quốc và Việt Nam - chưa mấy lưu ý đến vấn đề này.

54. 海國聞見錄, 陳倫炯, 臺灣文獻叢刊, 臺灣銀行經濟研究室編印, 1958. 看 "沿海全圖" 頁六七 - *Hải quốc văn kiến lục*, Trần Luân Quýnh, Đài Loan Văn Hiến tùng san-Đài Loan Ngân hàng kinh tế nghiên cứu thất biên ấn, 1958. Xem "Diên hải toàn đồ", trang 67.

55. Hàn Chấn Hoa (1921-1993), Thạc sĩ sử học Đại học Trung Sơn (1948), giáo sư Khoa Nghiên cứu Nam Dương Đại học Hạ Môn. Các công trình nghiên cứu về Nam Hải chư đảo đã xuất bản gồm:

- 南海諸島史地考證論集 - *Nam Hải chư đảo sử địa khảo chứng luận tập*. Trung Hoa thư cục, 1981.

- 我國南海諸島史料匯編 - *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên* (Chủ biên). Đông Phương xuất bản xã, Bắc Kinh, 1988.

- 中國與東南亞關係史研究 - *Trung Quốc dĩ Đông Nam Á quan hệ sử nghiên cứu*. Quảng Tây Nhân Dân xuất bản xã, Nam Ninh, 1992.

- 南海諸島史地研究 - *Nam Hải chư đảo sử địa nghiên cứu*. Xã hội khoa học văn hiến xuất bản xã, Bắc Kinh, 1996.

- 南海諸島史地論證 - *Nam Hải chư đảo sử địa luận chứng*.
Hương Cảng Đại học Á Châu nghiên cứu trung tâm, Hương Cảng, 2003.

56. 中國人民為捍衛南沙群島主權進行的鬥爭 “Trung Quốc nhân dân vi hãn vệ Nam Sa quần đảo chủ quyền tiến hành đich đấu tranh”. Tô Độc Sử, Ngô Thanh Ngọc, Thân Trường Kính. *Trung Quốc quân sự khoa học*, kỳ 4, 1988. Nguồn: *Nam Sa quần đảo lịch sử địa lý nghiên cứu chuyên tập*, Trung Sơn Đại học xuất bản xã, Quảng Châu, 1991, trang 87-97.

57. Đa số các tên sách được trích dẫn trùng với tên sách của các tác giả đã nêu. Xin xem chung ở bảng thư mục tên sách (Phụ lục 6, phần I).

58. 略談捍衛我國海疆問題 "Lược đàm hãn vệ ngã quốc hải cương vấn đề", Tô Độc Sử. *Trung Quốc biên cương sử địa nghiên cứu*, kỳ 1 năm 1992, trang 75-81.

59. “黃沙和長沙特考” *Hoàng Sa hòa Trường Sa đặc khảo*, Đới Khả Lai dịch, *Thương Vụ ấn thư quán xuất bản*, 1978.

60. Bút hiệu của cố Giáo sư Nguyễn Khắc Kham.

61. 南海諸島的主權與西沙群島之戰 "Nam Hải chư đảo đich chủ quyền dữ Tây Sa quần đảo chi chiến", Tề Tân. *Thất thập niên đại nguyệt san*, Hương Cảng, 1974, kỳ 3.

62. Mười sách trong sử tịch Trung Quốc được học giả Lãng Hồ sử dụng:

- *Võ bị bí thư* - Thi Vĩnh Đồ (1800).

- *Hải vận yếu lược* - Thi Vĩnh Đồ (1840).

- *Đông Tây dương khảo* - Trịnh Nhiếp.

- *Trù hải đồ biên* - Trịnh Nhược Tăng và Mao Khôn (1562).

- *Doanh nhai thắng lãm* - Mã Hoan.

- *Chỉ nam chánh pháp* - *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh*.

- *Thuận phong tương tống* - *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh*.

- *Phật quốc ký* - Pháp Hiển.

- *Hải ngoại kỷ sự* - Thích Đại Sán.

- *Hải quốc văn kiến lục* - Trần Luân Quýnh.

Hai trứ tác thời Dân quốc:

- *Đường đại Quảng Châu Quang Hiếu tự dữ Trung-Ấn giao thông chi quan hệ*, La Hương Lâm. *Thương Vụ ấn thư quán*, 1960.

- *Trung-Ấn Phật giáo giao thông sử*, Tiêu Sơn Thích Đông Sơ. Trung Hoa đại điển biên ấn hội ấn hành, 1973.

Ba trứ tác của học giả Nhật Bản hiện đại:

- *An Nam thông sử*, Nham Thôn Thành Duãn. Phú Sơn Phòng xuất bản, Chiêu Hòa 16 (1941).

- "Hải lộ Đông Dương mậu dịch triển khai", Sâm Khắc Kỷ. *Đông Dương học thuật nghiên cứu*, quyển 8, số 30. Đông Dương triết học nghiên cứu sở, Đông Kinh, 1969.

- "Trung-Việt Paracels lãnh thổ phân tranh", Hoàng Hữu Nhân. *Đài Loan Thanh Niên*, 163, Đài Loan Độc Lập liên minh phát hành, 5/5/1974.

Hai trứ tác của học giả Tây phương:

- *Ma Huan reexamined*, J.V.G Mills & J.J.L Duyvendak (1933).

- *Mémoire sur la Cochinchine*, J. Chaigneau.

Bảy nguồn tư liệu đồ thư Việt Nam: *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*; *Hồng Đức bản đồ*; *Phủ biên tạp lục*; *Đại Nam nhất thống chí*; *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*; *Quốc triều chánh biên toát yếu*; *Đại Nam nhất thống toàn đồ*.

63. Có thể nhận thấy 3 biểu hiện đặc trưng của các bài viết mang tính chất tranh luận, một là: phủ định nguồn sử liệu hoặc cách lập luận của đối phương; hai là: hiểu vấn đề khác nhau trên cùng một nguồn tài liệu; ba là: không tự hiểu đối phương (sử dụng, trích dẫn, lập luận, nhận định của người khác dẫn đến sai lầm triền miên). Cả 3 trường hợp này đều dẫn đến sự hỗn loạn và gây phức tạp cho các nghiên cứu về sau. Học giới Trung Quốc và cả Việt Nam đều có những biểu hiện này, tuy nhiên học giới Trung Quốc thuận lợi hơn trong việc tham khảo cổ thư Việt Nam. Xem thêm: "Bàn về quyển sách "Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế của Nguyễn Q. Thắng" của Phạm Hoàng Quân, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 4 (69).2008.

64. 中國地域的真價值 "Trung Quốc địa vực đích chân giá trị", Trâu Báo Quân. *Tự Do Thái Bình Dương* (nguyệt san), kỳ 3, 1957. Đề Ngạn (Chợ Lớn) Việt Nam. Hợp đính bản, trang 127.

65. 中越西沙群島爭執泰國保持不干預立場 "Trung Việt Tây Sa quần đảo tranh chấp, Thái quốc bảo trì bất can dự lập trường". *Trung Hoa chu báo*, Mạn Cốc, 27/1/1974. Nguồn: [*Sử liệu hồi biên-1988*], trang 553.

TÓM TẮT

Dựa trên các cứ liệu thành văn có thể khảo sát được, tác giả phân chia quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ năm 1909 đến năm 2005 thành hai giai đoạn: giai đoạn đầu từ 1909 đến 1947 là giai đoạn sơ thám (tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 4 (69). 2008), giai đoạn sau từ 1948 đến 2005 là giai đoạn bột phát và định hình. Để tìm hiểu giai đoạn sau, tác giả lần lượt điếm qua các bài viết trên các báo hoặc tạp chí, các công trình nghiên cứu đã in thành sách, các địa đồ và địa đồ tập, các văn kiện của chính phủ Trung Quốc.

So với giai đoạn sơ thám, các công trình nghiên cứu về Nam Hải chư đảo trong giai đoạn bột phát và định hình được triển khai trên diện rộng với sự bùng nổ về số lượng, dày dặn và chuyên sâu hơn, đặc biệt tập trung khai thác sử liệu để gắn kết đảo danh và lập thành hệ thống lý luận chứng minh “chủ quyền trong lịch sử”. Điều này có thể lý giải rằng, đây là động thái của Trung Quốc nhằm đối phó với Việt Nam, quốc gia hiện đang sở hữu hai trong bốn quần đảo ở Nam Hải với những chứng cứ liên tục, chặt chẽ và ổn định.

Điểm qua một số công trình nghiên cứu về Nam Hải chư đảo trên các báo san, tác giả nhận xét quá trình chạy đua theo số lượng của học giới Trung Quốc đã bộc lộ ba mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa các dữ kiện trong cùng một bài viết hoặc công trình nghiên cứu; mâu thuẫn trong cách lập luận trên dữ liệu giữa các bài viết hoặc công trình nghiên cứu cùng thời gian; và mâu thuẫn trong cách vận dụng sử liệu và lý giải dữ kiện giữa giai đoạn sơ thám và giai đoạn bột phát, định hình.

ABSTRACT

A STUDY ON HISTORY AND GEOGRAPHIC NAMES OF ISLANDS IN SOUTH CHINA SEA

Basing on available textual documents, the author divides the process of research on the islands in the South China Sea from 1909 to 2005 into two stages: The first stage just of preliminary survey from 1909 to 1947 (see *Research and Development Magazine*, 4[69], 2008), and the second from 1948 to 2005 with booming activities and established planning. For his research on the second stage the author reviews articles on newspapers and magazines, published research works, maps and books of maps, and Chinese government documents.

Compared to the first stage of preliminary survey, the next course of research, the stage of flourishing activities and established planning, was carried out on a wide range and big scale as regards quantity, thoroughness and professionalism, especially the efforts to gather historical data so as to organize the names of relevant islands into a logical line and as a result create a reasoning method to prove “a historical ownership of China”. That is China’s move to deal with Vietnam, the nation that is traditionally in possession of two of the four archipelagoes in the South China Sea by means of continuous, solid and stable evidences

Studying several Chinese research works concerning the islands in the South China Sea printed on newspapers and magazines, the author realizes that the Chinese research circle’s race to amass as much as possible convincing data have been caught in three faults of contradictions: Contradictions between data given in the same article or research work; Contradictions in the reasoning based on different data from different contemporary articles or research works; And contradictions in the way to use and interpret historical data from the first and second stage of research mentioned above.

PHỤ LỤC 1

a. Địa danh Paracel Islands trong *Trung Quốc giang hải hiểm yếu đồ chí* của Cục trưởng Cục địa đồ Hải quân Anh quốc H. Petley. Phần hải âm (chuyển Hán văn) do quan chức Nha Khí hậu Trần Thọ Bành, Dịch Như Phủ thực hiện năm 1894. Phần phiên âm Hán-Việt do Phạm Hoàng Quân bổ sung năm 2008.

	Phạ Mẫu Lạp Tây Nhi Liệt Đảo	怕母拉西尔列島	Paracel Islands
	Thổ ố Đường Đảo	土 ố ⁽¹⁾ 塘島	Triton Island
	Ba Từ Kỳ	巴徐崎	Passu Keak
	Mịch Xuất Tiêu	覓出礁	Discovery Reef
	Phù Lặc Đa Nhi Tiêu	符勒多兒礁	Vuladdore Reef
	Bàng Tỳ Tiêu	旁婢礁	Bombay Reef
	Bồ Liệt Mạnh Than	蒲列孟灘	Bremen Bank
	Tắc Hành Chí Nhi Than	則衡志兒灘	Jehangire Bank
	Lâm Khang Đảo	林康島	Lincoln Island
0	Cao Tiêm Thạch	高尖石	Pyramid Rock
1	Anh Phi Thổ Lai Đặc Liệt Đảo	鸚非土萊特列島	Amphitrite Island
2	Lâm Đảo	林島	Woody Island
3	Thạch Đảo	石島	Rocky Island
4	Thụ Đảo	樹島	Tree Island
5	Diệc Nhi Dịch Tư Than	亦尔剔斯灘	Iltis Bank
6	Bắc Tiêu	北礁	North Reef
7	Hạch Tử Bài Thiển	核子牌淺	Hospur Shoal
8	Khố Lặc Sanh Đặc Liệt Đảo	庫勒生特列島	Crescent Islands
9	Đàn Kiên Đảo	壇堅島	Duncan Island
0	Đô Lan Mãng Đảo	都蘭莽島	Drummond Island
1	Mẫu Lộ Bãi Đặc Đảo	母路摆特島	Robert Island
2	Bức Đào Nhi Đảo	逼掏兒島	Pattel Island
3	Tiền Tài Đảo	錢財島	Money Island
4	Linh Dương Tiêu	羚羊礁	Antelope Reef

(1) Văn bản nguồn khuyết một chữ, ở một văn bản khác viết là "Lai 萊", tức đọc Thổ Lai Đường đảo.

Nguồn: *Nam Hải chư đảo địa danh tư liệu hồi biên*, 1987, trang 360.

b. Địa danh Đức văn Die Paracel Inseln trong *Hải đạo trắc lượng cập hàng hải khí tượng niên giám* (1885) do hai hạm thuyền Freya và Iltis ghi nhận từ năm 1881-1884. Phần hải âm Hán do tạp chí *Đông Phương*, 1910, trong bài "Quảng Đông Tây Sa quần đảo chí". Phần phiên âm Hán-Việt do Phạm Hoàng Quân bổ sung năm 2008.

	Tây Sa quần Đảo	西砂群島	Die Paracel-Inselgruppe
	Na Hồ Lợi Hồ	那乎利乎	Das Nord Riff
	Hạch Tử Bài Ấm Sa	核子牌暗砂	Hotspur Riff
	Kỵ Lý Tiên Quần Đảo	忌哩先群島	Die Crescent Gruppe
	Đăng Cận Quần Đảo	登近群島	Duncan Inseln
	Đại Đăng Cận	大登近	Duncan I
	Tiểu Đăng Cận	小登近	Duncan II
	Đỗ Lâm Môn Đảo	杜林門島	Drummond-Insel
	Tra Thám Than	查探灘	Observatorium-Bank
0	Bát Đỗ La Đảo	八杜羅島	Pattle-Insel
1	La Bạt Đảo	羅拔島	Robert-Insel
2	Văn Ni Đảo	文尼島	Money-Insel
3	Án Địa Lập Than	晏地立灘	Antelope-Riff
4	Địa Sĩ Gia Hoa Lợi Tiêu	地士加花利礁	Discovery-Riff
5	Bá Tô Gia tiểu Đảo	伯蘇嘉小島	Passoo Keah
6	Địa Liệt Đốn Tiểu Đảo	地列頓小島	Triton-Insel
7	Điều Lực Đa Á Tiêu	烏力多亞礁	Vuladdore-Riff
8	Mạnh Mễ Tiêu	孟米礁	Bombay-Riff
9	Thiết Đạo Sa	鍊道砂	Dido Bank
0	Liên Khả Luân Đảo	連可倫島	Lincoln-Insel
1	Bỉ Khiêm Mỹ Thạch	比謙美石	Pyramiden-Felsen [Pyramid Rock]
2	(*)		Jehangire-Bank
3	(*)		Bremen-Bank
4	Am Phi Địa Lạp Quần Đảo	庵非地拉群島	Die Amphitrite Gruppe
5	Khoát Địa Đảo	闊地島	Woody-Insel

6	Lạc Kỳ Đảo	樂忌島	Rocky-Insel
7	(*)		Iltis-Bank
8	Bắc Đảo	北島	Nord Insel
9	(*)		Mittle-Insel
0	Nam Đảo	南島	Sud-Insel
1	Tây Sa Châu	西砂洲	West-Sand
2	Địa Lợi (Lì)	地利	Tree-Insel
3	Thiếp Bửu Bà Sĩ	涉比巴士	Zappe-Kanal

(*) Nguồn trích dẫn khuyết phần hài âm.

Nguồn: *Nam Hải chư đảo địa danh tư liệu hồi biên*, 1987, trang 360, 367.

c. Địa danh Phổ Lạc Cơ Nhĩ Quần Đảo (Paracel Islands) trong Điều tra Tây Sa Quần Đảo báo cáo thư của Thẩm Bằng Phi, tháng 6 năm 1928. Lưu trữ tại Trung Sơn đại học đồ thư quán.

- Quần đảo phía đông

1. Anh Phi Thổ Lai Đặc Liệt Đảo 鸚非土萊特列島 (còn gọi là An Phi Đích Lợi Đặc Liệt Đảo 安非的利特列島)

2. Thụ Đảo 樹島

3. Bắc Đảo 北島

4. Trung Đảo 中島

5. Nam Đảo 南島

6. Lâm Đảo 林島 (còn gọi là Đa Thụ Đảo 多樹島)

7. Thạch Đảo 石島

8. Đông Đảo 東島 (Linh Châu Đảo 玲州島)

9. Đài Đồ Than 台图灘

10. Cao Tiêm Thạch 高尖石

11. Tắc Hành Chí Nhi Than 則衡志兒灘 (còn gọi Di Đình Chi Than 怡亭芝灘)

12. Bồ Lợi Mạnh Than 蒲利孟灘 (còn gọi Bột Lợi Môn Than 勃利門灘)

13. Bàng Tử Than 傍俾灘 (còn gọi Mạnh Mãi Đảo 孟買島)

14. Diệc Nhĩ Dịch Tư Than 亦尔剔斯灘

- Quần đảo phía tây

15. Khố Lạc Sanh Đặc Quần Đảo 庫勒生特群島 (còn gọi Khắc Lỗ Khoát Tang Quần Đảo 克魯闊桑群島)

16. San Hồ Đảo 珊瑚島 (còn gọi Ba Đồ Nhĩ 巴圖尔; Bức Đào Nhĩ 逼陶尔; Bút Đảo 笔島)

17. Cam Tuyền Đảo 甘泉島 (còn gọi La Bải Đặc 羅摆特; La Bật 羅弼; Lữ Đảo 呂島)

18. Kim Ngân Đảo 金銀島 (còn gọi Mạc Ni 幕尼; Tiền Tài 錢財)

19. Phục Ba Đảo 伏波島 (còn gọi Đô Lan Phân 都蘭芬; Đỗ Lâm Môn 杜林門; Tứ Giang Đảo 四江島; Đô Đảo 都島)

20. Thâm Hàng Đảo 深航島 (còn gọi Đăng Cận 登近; Đăng Kinh 燈擎; Đại Tam Cước 大三腳; Đăng Đảo 登島)

21. Quảng Kim Đảo 廣金島 (còn gọi Chưởng Đảo 掌島; Tiểu Tam Cước Đảo 小三腳島)

22. Thiên Văn Đảo 天文島 (còn gọi Áp Ta Uy Thuần 押些威純; Trắc Lượng Đảo 測量島)

23. Nam Cực Đảo 南極島 (còn gọi Đặc Lý Đôn 特里屯; Đích Lợi Đông Đảo 的利東島)
24. Bá Tô Kỳ 柏穌奇 (còn gọi Ba Sanh Kỳ 巴生忌; Hải Thụy Đảo 海瑞島)
25. Linh Dương Tiêu 羚羊礁 (còn gọi An Đích La Bốc 安的羅卜)
26. Mịch Xuất Tiêu 覓出礁 (còn gọi Phát Hiện Đảo 發現島)
27. Phù Lặc Đa Nhi Tiêu 符勒多兒礁 (còn gọi Điều Lạp Đa Đảo 鳥拉多島)
28. Bắc Tiêu 北礁 (còn gọi Bắc Sa Đảo 北砂島)

Nguồn: [Địa danh hải biên, 1987].

d. Địa danh Bá Lực Tây Lao Sĩ Quần Đảo (Paracel Islands) trong *Quảng Đông toàn tỉnh địa phương kỷ yếu* do Sở Dân chính tỉnh Quảng Đông xuất bản năm Dân quốc 23 (1934).

1. Bá Lực Tây Lao Sĩ Quần Đảo 柏力西勞士群島
2. An Phi Lập Thoát 安非立脫
3. Cách Lai Tín Thoát 格來信脫
4. Lâm Đảo 林島
5. Thạch Đảo 石島
6. Đăng Cận Đảo 登近島
7. Chưởng Đảo 掌島

Nguồn: [Địa danh hải biên, 1987].

PHỤ LỤC 2

Địa danh các đảo do các tạp chí và các báo nêu tên trong sự kiện

"Pháp chiếm 9 đảo Nam Hải" (1933)

1. Từ Công Túc, "Pháp quốc chiếm lĩnh cửu tiểu đảo sự kiện". *Ngoại giao bình luận*, quyển 2, kỳ 9. Tháng 9 năm 1933.
 - Spratly or Storm Island
 - Amboyna Cay
 - Tizard Bank with Reefs and Islands
 - Loaita Island
 - Thitu Island
 - North Danger
2. "Tây-Nam đương cục giao thiệp Pháp chiếm cửu đảo". *Phong thái nguyệt san*. Tháng 8 năm 1933.

- 加耶	Gia Da
- 丹蘇士	Đan Tô Sĩ
- 伊杜亞巴	Y Đố Á Ba
- 都斯拉士	Đô Tư Lạp Sĩ
- 來都	Lai Đô
- 士杜	Sĩ Đố
- 士伯拉里	Sĩ Bá Lạp Lý
3. "Pháp chiếm Nam Hải vấn đề". *Độc lập nhất sự nguyệt san*, quyển 1, kỳ 7. Ngày 31/8/1933.

- 凱夷	Khải Di
- 達姥巴賓	Đạt Mỗ Ba Tân
- 伊吐巴	Y Thổ Ba
- 杜克斯	Đỗ Khắc Tư
- 來吐	Lai Thổ
- 梯都	Thê Đô
- 史伯拉雷	Sử Bá Lạp Lôi
- 二附島	Nhị Phụ Đảo
4. "Pháp chiếm cửu đảo danh xưng cập kinh vĩ độ". *Thân báo*. Ngày 19/8/1933.

- 斯巴拉脫來 Tư Ba Lạp Thoát Lai
- 措唐巴亞 Khai Đường Ba Á
- 伊脫亞巴 Y Thoát Á Ba
- 双島 Song Đảo
- 洛愛太 Lạc Ái Thái
- 西德歐 Tây Đức Âu

5. "Pháp quốc chiếm lĩnh cửu đảo danh xưng cấp kinh vĩ độ". *Phong thái nguyệt san*. Tháng 9/1933.

- 開唐山 Khai Đường Sơn
- 伊脫巴亞 Y Thoát Ba Á
- 双島 Song Đảo
- 洛愛太 Lạc Ái Thái
- 西德歐 Tây Đức Âu
- 斯巴拿脫來 Tư Ba Nã Thoát Lai

6. "Quỳnh nam cửu tiểu đảo vấn đề" (Vấn đề chín đảo nhỏ ở phía nam Quỳnh châu). *Thân báo nguyệt san*, quyển 2, kỳ 9. Ngày 15/9/1933.

- 開唐巴 Khai Đường Ba Cay D'amboyne
- 伊塔阿巴 Y Tháp A Ba Itu Aba
- 双島 Song Đảo Deux Illes
- 洛愛塔 Lạc Ái Tháp Loaita
- 斯拔拉脫來 Tư Bạt Lạp Thoát Lai Spratly
- 帝居 Đế Cư Thitu
- 帝若旁 Đế Nhược Bằng Tizard Bank

7. "Pháp quốc chiếm lĩnh chi cửu đảo dĩ chứng minh phi Tây Sa quần đảo". *Thời sự nguyệt san*. Tháng 9/1933.

- 奎亞當不亞尼 Khuê Á Dương Bất Á Ni Caye d'Amboine
- 伊托阿巴 Y Thác A Ba Itu Aba
- 杜錫尔 Đỗ Tích Nhĩ Les Deux Illes
- 羅愛多 La Ái Đa Loaita
- 西杜 Tây Đỗ Thitu
- 斯巴得來 Tư Ba Đắc Lai Spratly
- (*) (Tên gọi chung) Tizard Bank

8. Hoàng Đào, "Việt nam cửu đảo đích chân tướng" (Sự thực về chín đảo phía nam Quảng Đông). *Giai hành nhật báo*. Ngày 31/10/1933.

- 加夷 Gia Di
- 汶保夷斯 Vấn Bảo Di Tư
- 夷特拉巴 Di Đặc Lạp Ba
- 達尔齊斯 Đạt Nhĩ Tề Tư
- 來多 Lai Đa
- 齊德 Tề Đức
- 史普拉 Sử Phổ Lạp

9. Lâm Siêu, "Pháp chiếm cửu đảo chi kinh qua cấp cửu tiểu đảo chi địa lý khái hướng". *Địa lý học tùng san*. Tháng 9/1933.

- 加耶及丹姆賣士 Gia Đa Cập Đan Mỗ Mại Sĩ Caye and D'amboise
- 伊杜亞巴 Y Đỗ Á Ba Itu Aba
- 双島 Song Đảo Les Deux Illes

* Nguyên bản khuyết phaàn Hàu vaên. PHQ.

- 來都	Lai Đô	Loaita
- 提杜	ĐỀ ĐỖ	Thitu
- 士柏拉雷	Sĩ Bá Lạp Lôi	Spratly

10. Vương Long Hưng "Pháp chiếm Nam Hải chư tiểu đảo sự kiện". *Đông phong tạp chí*, quyển 30, kỳ 21. Tháng 11/1933.

- 提沙淺洲	ĐỀ Sa Thiển Châu
- 斯布拉特里	Tư Bố Lạp Đặc Lý
- 開唐尼亞	Khai Đường Ni Á
- 伊脫尼亞	Y Thoát Ni Á
- 双島	Song Đảo
- 洛愛太島	Lạc Ái Thái Đảo
- 西歐德島	Tây Âu Đức Đảo

11. Cát Tuy Thành, "Nam Hải cửu đảo vấn đề". *Khoa học tập san*. Tháng 4/1934.

- 斯巴拉脫來	Spratly
(Còn gọi: 坦帕脫)	Ile de la Tempete
- 開唐巴亞	Caye D'amboine
- 伊脫巴亞	Itu Aba
- 双島	Iles Deaux Iles
- 洛愛太	Loaita
- 西歐德	Thitu

12. Chuyết Dân, "Nam Hải cửu đảo vấn đề chi Trung-Pháp-Nhật tam giác quan hệ". *Ngoại giao nguyệt san*. Ngày 23/8/1934

Hài âm giống Cát Tuy Thành (11). Số địa danh 6 tên (riêng Thitu phiên là Tây Đức Âu 西德歐)

13. Hồ Hoán Dung, "Pháp Nhật ký du chi Nam Hải chư đảo" (Pháp Nhật dòm ngó các đảo Nam Hải). *Ngoại giao bình luận*. Tháng 5/1934.

- 安波島	An Ba Đảo	Caye D'amboine
- 斯柏拉島	Tư Bá Lạp Đảo	Spartly
- 伊都阿巴島	Y Đô A Ba Đảo	Itu Aba
- 南伊島	Nam Y Đảo	Namyit
- 氏沙灘	ĐỂ Sa Than	Banc Tizard
- 羅灣島	La Loan Đảo	Loaita
- 蘭家島	Lan Gia Đảo	Loaita Riff
- 帝都島	ĐẾ Đô Đảo	Thitu
- 西南島	Tây Nam Đảo	S.W. Caye
- 東北島	Đông Bắc Đảo	N.E. Caye
- 双島	Song Đảo	Deaux Iles
- 西約克島	Tây Ước Khắc Đảo	West York
- 侖島	Bình Đảo	Flat
- 南山島	Nam Sơn Đảo	Nanshan
- 新客島	Tân Khách Đảo	Sin Cowe

14. *Trung Quốc địa lý tân chí*, năm 1935. Trung Hoa thư cục xuất bản. Chương II, Quảng Đông tỉnh. "Pháp quốc chiếm Nam Hải chư tiểu đảo".

- 斯拔拉脫來	Tư Ba Lạp Thoát Lai	Spratly Island
(風雨島 Phong Vũ Đảo Storm Island)		
- 開唐巴亞	Khai Đường Ba Á	Amboyna Cay
(安得拿島 An Đắc Nã Đảo)		
- 伊脫亞巴	Y Thoát Á Ba	Itu Aba
- 北危島東北礁	Bắc Nguy Đảo Đông Bắc Tiêu	Danger North-East

- 北危島西南礁 Bắc Ngụy Đảo Tây Nam Tiêu Danger South-West
- 洛愛太島 Lạc Ái Thái Đảo Loaita Is. or South
- 西德歐 Tây Đức Âu Thitu Island
- 納伊脫島 Nạp Y Thoát Đảo Nam Yet
- 西約克島 Tây Ước Khắc Đảo West York

PHỤ LỤC 3

Bảng đối chiếu tọa độ địa lý "chín đảo Nam Hải" (Tizard Bank)

(vì các tạp chí dùng địa danh không đồng nhất nên ở đây sử dụng tên gốc, xem Phụ lục 2 nếu cần tham khảo thêm tên phiên âm Hán)

a. Kinh vĩ độ nhóm đảo và đảo

TT	Tên tạp chí	Phương Chí nguyệt san	Thân báo	Phong Thái nguyệt san	Địa lý tùng san
	Tên nhóm đảo, đảo	4/1933	19/8/1933	9/1933	9/1933
	La Caye Amboyne	7 ^o 40'N-113 ^o E	7 ^o 52'N-112 ^o 55'E	7 ^o 52'N-112 ^o 55'E	7042'N-12 ^o 55'E
	Ile de la Tempete (Spartly)	8 ^o 39'N-111 ^o 55'E	8 ^o 31'N-111 ^o 55'E	8 ^o 29'N-111 ^o 55'E	8 ^o 39'N-111 ^o 55'E
	Ile Itu Aba	10 ^o 22'N-114 ^o 21'E	10 ^o 22'N-114 ^o 21'E	10 ^o 22'N-114 ^o 21'E	10 ^o 22'N-114 ^o 21'E
	Loaite	10 ^o 42'N-111 ^o 25'E	10 ^o 42'N-114 ^o 25'E	10 ^o 42'N-114 ^o 25'E	10 ^o 42'N-114 ^o 25'E
	Thitu	11 ^o 03'N-114 ^o 16'E	11 ^o 07'N-114 ^o 10'E	11 ^o 05'N-114 ^o 10'E	11 ^o 07'N-114 ^o 10'E
	Les Deux Iles	11 ^o 09'N-114 ^o 16'E	11 ^o 29'N-114 ^o 21'E	11 ^o 29'N-114 ^o 21'E	11 ^o 29'N-114 ^o 21'E

STT	Tên tạp chí	Thời sự nguyệt san	Ngoại giao nguyệt san	Ngoại giao bình luận
	Tên nhóm đảo, đảo	9/1933	23/8/1933	5/1934
1	Caye d'Amboyne	7 ^o 52'N-111 ^o 55'E	7 ^o 52'N-112 ^o 55'E	7 ^o 52'N-112 ^o 55'E
2	Spartly	8 ^o 39'N-111 ^o 55'E		8 ^o 39'N-111 ^o 55'E
3	Itu Aba	10 ^o 03'N-114 ^o 03'E	10 ^o 22'N-114 ^o 21'E	10 ^o 22'N-114 ^o 21'E
4	Loaite	10 ^o 42'N-114 ^o 10'E	10 ^o 42'N-114 ^o 25'E	10 ^o 42'N-114 ^o 25'E
5	Thitu	11 ^o 07'N-114 ^o 16'E	11 ^o 07'N-114 ^o 10'E	11 ^o 07'N-114 ^o 16'E
6	Les Deux Iles	11 ^o 29'N-114 ^o 03'E	11 ^o 29'N-114 ^o 21'E	11 ^o 29'N-114 ^o 21'E
7	Sin Cowe			9 ^o 42'N-114 ^o 23'E

b. Kinh vĩ độ tổng quát "chín đảo Nam Hải" (Tizard Bank)

	<i>Phương Chí nguyệt san</i> (4/1933)	8 ^o - 10 ^o N và 111 ^o - 115 ^o E
	<i>Trung Quốc địa lý tân chí</i> (1935)	8 ^o - 11 ^o N và 114 ^o - 115 ^o E

	<i>Trung Hoa tân địa đồ</i> (1946)	7 ⁰ 40 - 12 ⁰ N và không nêu
	<i>Ngoại giao bình luận</i> (11/1933)	10 ⁰ - 12 ⁰ N và 115 ⁰ E

Nguồn: Tổng hợp từ *Địa danh hải biên* (1987), *Trung Hoa tân địa đồ* (1946), *Sử liệu hải biên* (1988).